

QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ QUỐC PHÒNG

QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

HÀ NỘI 12 - 2009



**CHỈ THỊ CỦA CHỦ NGHĨA
SÁNG LẬP, LÃNH ĐẠO VÀ TÊN
QUÂN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM**
(Chỉ thị do Ủy ban Trung ương Kháng chiến trong Chiến dịch
Biên giới Thủ – Đông năm 1950)

L I M U
C A B T R N G B Q U C P H Ò N G
N C C N G H O À X ã H I C H N G H A V I T N A M

Năm 2009 kỷ niệm 65 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đội quân tinh nhuệ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu. Qua 65 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, Quân đội nhân dân Việt Nam đã lập nên những chiến công hiển hách, cùng dân tộc đánh thắng những cuộc chiến tranh xâm lược, góp phần quan trọng trong cách mạng dân chủ nhân dân, giành độc lập, tự do cho dân tộc, thắng lợi Tổng chiến thắng, đánh tan các vòng vây của kẻ thù, góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Đứng trước những thách thức của Công nghiệp Việt Nam, công cuộc cải tạo toàn diện kinh tế và nâng cao trình độ thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Với lên những khó khăn do tác động của suy thoái kinh tế thế giới, thiên tai và những yêu cầu nhiệm vụ kinh tế, tình hình chính trị - xã hội của đất nước hiện nay; quốc phòng - an ninh phức tạp; trật tự, an toàn xã hội có những diễn biến phức tạp; uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Những thành tựu to lớn đó đòi hỏi cần phải có những giải pháp xây dựng và bảo vệ Tổng chiến thắng.

Tích cực và chủ động hình thành và phát triển trong bối cảnh thế giới, khu vực có những biến động phức tạp, khó lường,

Việt Nam đang đứng trước những thách thức, khó khăn gay gắt, đặc biệt là kinh tế suy thoái và bất ổn chính trị. Tình hình đó đòi hỏi Quân đội nhân dân Việt Nam phải nỗ lực nâng cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, thành phố ngày càng vững chắc, thế trận là nền tảng của chiến tranh quần chúng phòng toàn dân; đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động quần chúng; xây dựng quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, sẵn sàng hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

Điều chủ yếu và trọng tâm của Quân đội phù hợp với điều kiện thời bình những năm sàng đáp ứng các yêu cầu của chiến tranh hiện đại là vận dụng chiến lược, có ý nghĩa chiến lược là vận dụng phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trên cơ sở nhận định quan trọng, những lợi ích quốc gia, dân tộc, hòa bình, hợp tác và phát triển, chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Đảng và Nhà nước, Quân đội nhân dân phải từng bước nâng cao công tác đối ngoại quốc phòng; mở rộng và củng cố quan hệ, hợp tác với tất cả các nước, nhất là các nước láng giềng, khu vực và các đối tác quan trọng khác... Các mối quan hệ quốc tế đi vào chiều sâu, hữu ích, bền vững, tin cậy lẫn nhau, góp phần từng bước củng cố quan hệ đối ngoại của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới.

V i m c ích nêu trên, B Qu c phòng n c C ng hoà Xã h i ch ngh a Vi t Nam công b Sách tr ng v Qu c phòng Vi t Nam l n th 3. ây là tài li u nêu rõ nh ng quan i m c b n c a chính sách qu c phòng Vi t Nam, c ch lãnh o và qu n lý qu c phòng; c c u B Qu c phòng; t ch c và ph ng h ng xây d ng Quân i nhân dân và Dân quân t v v ng m nh toàn di n. Sách tr ng v Qu c phòng c ng c p n chính sách h p tác qu c phòng, th hi n mong mu n t ng c ng s hi u bi t và tin c y l n nhau gi a quân i và nhân dân Vi t Nam v i quân i và nhân dân các n c nh m y m nh h p tác vì hoà bình, c l p dân t c và ti n b xã h i.



i t ng Phùng Quang Thanh

B tr ng B Qu c phòng

N c C ng hoà Xã h i ch ngh a Vi t Nam

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH AN NINH
VÀ
CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG

1. TÌNH HÌNH AN NINH

1.1. Thế giới và khu vực

Tình hình an ninh thế giới và khu vực những năm đầu thế kỷ XXI diễn biến phức tạp, song hòa bình, hợp tác cùng phát triển vẫn là xu thế lớn. Tuy ít có nguy cơ xảy ra chiến tranh thế giới, chiến tranh sắc tộc và khủng hoảng địa tầng lo ngại nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột và tranh giành các quốc gia hay trong một quốc gia do mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, tôn giáo; hoạt động khủng bố, can thiệp, lật đổ, ly khai, tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên và các quyền lợi quốc gia khác có chiều hướng gia tăng, tác động mạnh tới hòa bình, an ninh của các dân tộc.

Tình hình thế giới đã và đang thay đổi nhanh chóng, khó lường. Sự phân bố lại sức mạnh kinh tế và quân sự trên phạm vi toàn cầu đang làm cho các diễn biến chính trị thế giới biến đổi sâu sắc và xu thế phức tạp ngày càng thể hiện rõ nét hơn. Những cuộc khủng hoảng và các trung tâm quyền lực mới nổi lên, có vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực và trên toàn thế giới. Sự cạnh tranh nhằm giành giật các cuộc khủng hoảng, các trung tâm quyền lực và vì nhau diễn ra quyết liệt và có chiều hướng gia tăng.

Quá trình toàn cầu hóa kinh tế đang đi vào chiều sâu làm cho các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau, buộc các nước phải tăng cường hợp tác để giải quyết các vấn đề liên quan đến lợi ích chung. Tuy nhiên, do những khác biệt

vì lợi ích nên trong một số vấn đề, sự cạnh tranh trở nên gay gắt. Suy thoái kinh tế thế giới bắt đầu bùng nổ hàng loạt chính phủ đã nghiên cứu sâu sắc những tác động của các quốc gia. Các vấn đề an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng trở nên quan trọng ở vị thế mới. Bên cạnh đó, nhu cầu về an ninh phi truyền thống có tính toàn cầu đã trở thành mối quan tâm lớn của các quốc gia. Giai đoạn quy trình và vấn đề nêu trên là công việc của các công nhân quốc tế vì không một quốc gia hay khu vực riêng rẽ nào có thể vượt mình giải quyết được.

Những công việc của các vấn đề quốc phòng - an ninh trong quan hệ quốc tế đang tăng lên. Cuộc cách mạng mới trong quân sự đang làm chuyển đổi các quốc phòng, chuyển đổi quân sự của các nước thay đổi liên tục. Sự cạnh tranh sẽ mạnh mẽ quân sự đang diễn ra nguy cơ xảy ra tranh chấp trên thế giới, nhất là xảy ra sự cạnh tranh trên biển và trên trời. Nhu cầu liên tục của nhu cầu chuyển đổi quân sự, tăng ngân sách quốc phòng, đẩy nhanh hiện đại hóa quân đội, phát triển vũ khí trang bị và công nghệ quân sự tiên tiến. Sự phát triển này không chỉ tác động đến quan hệ giữa các nước mà còn tác động đến quốc phòng của tất cả các nước. Khoảng cách vũ sự của các quốc gia còn lại trên thế giới ngày càng xa. Trong một số khu vực, việc tăng cường sự cạnh tranh quân sự làm cho tình hình trở nên phức tạp. Cần kiểm soát vũ khí và cấm phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đang gặp phải những thách thức lớn.

Châu Á - Thái Bình Dương với các nền kinh tế phát triển đang ngày càng quan trọng trên thế giới, thu hút sự quan tâm và cạnh tranh nhằng nhặng của các cường quốc. Các chính sách tác động trên nhiều lĩnh vực đang phát triển. Tuy nhiên, đây cũng là khu vực còn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn về an ninh. Nhu cầu tìm kiếm có nguy cơ bùng nổ xung đột tranh chấp lãnh thổ, tài nguyên trên đất liền cũng như trên biển có chiều hướng gia tăng. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng đang phải đối mặt với tác động ngày càng tăng của biến đổi khí hậu và an ninh phi truyền thống.

Tình hình an ninh khu vực Đông Nam Á cũng đang diễn biến phức tạp. Sự thoái lui của các quốc gia trong khu vực, làm trầm trọng thêm tình hình bất ổn ở các quốc gia. Tranh chấp lãnh thổ trên biển và trên đất liền diễn biến phức tạp, trong đó tranh chấp quyền và các lợi ích quốc gia trên Biển Đông có chiều hướng gia tăng. Đông Nam Á là khu vực chịu tác động nặng nề của biến đổi khí hậu thiên nhiên như bão, lũ lụt, sóng thần... Khiến biến đổi khí hậu tuy đã bị coi là mối nguy cơ tiềm ẩn về an ninh khu vực, là mối quan tâm chung của các quốc gia Đông Nam Á và nhiều quốc gia khác. Biến đổi khí hậu, thiên nhiên, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia tác động ngày càng lớn đến an ninh của các quốc gia trong khu vực.

Các nước thành viên Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đang tăng cường hợp tác và hỗ trợ lẫn nhau trong công tác xây dựng thành công Cộng đồng ASEAN với ba trụ cột là Cộng đồng Chính trị - An ninh, Cộng đồng Kinh tế và Cộng đồng Văn hoá - Xã hội vào năm 2015. Quan hệ hợp tác giữa ASEAN với các quốc gia khác ngoài khu vực vì hòa bình, ổn định và phát triển càng ngày càng được củng cố. Họ tuân theo các nguyên tắc "tự nguyện", "không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau", ASEAN tiếp tục đóng vai trò chủ chốt trong việc duy trì an ninh Đông Nam Á, trong quá trình vận động và phát triển của Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF) và các cơ chế an ninh khu vực khác. Liên quan đến tranh chấp quy định Biển Đông, các nước ASEAN tiếp tục cam kết tuân thủ và thực hiện Tuyên bố ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử của các bên Biển Đông (DOC) và đang nỗ lực xây dựng Bộ quy tắc ứng xử (COC), nhằm tạo cơ sở pháp lý lâu dài cho vận động pháp lý này trên cơ sở Công ước Luật biển năm 1982 của Liên hợp quốc.

1.2. Việt Nam

Sau hơn 20 năm thực hiện chính sách cải tiến kinh tế và hỗ trợ kinh tế quốc tế, Việt Nam đã trở thành thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử về chính trị, kinh tế,

xã hội, quốc phòng, an ninh và ngoại giao. Sự chuyển đổi hợp tác quốc gia - cộng đồng; chính trị - xã hội mới; cải cách, chuyển đổi, toàn diện lãnh đạo và quốc phòng - an ninh - công nghệ. Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả trong công tác môi trường an ninh cá nhân. Việt Nam đã tích cực đàm phán, ký kết các hiệp ước quốc tế liên quan đến quy định quốc gia trên biển, trên biên giới. Luôn ưu tiên trong lịch sử, biên giới trên đất liền của Việt Nam đã được phân định rõ ràng, tạo điều kiện thuận lợi cho Việt Nam và các nước láng giềng xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị và hợp tác cùng phát triển. Đây là kết quả của những nỗ lực không ngừng của Chính phủ Việt Nam và các bên có liên quan trong việc giải quyết vấn đề tranh chấp và hợp tác này. Việt Nam cũng tích cực giải quyết vấn đề biên giới trên biển. Ranh giới biển giữa Việt Nam và Trung Quốc trên Vịnh Bắc Bộ đã được phân định. Một số vấn đề nảy sinh từ các khu vực chung trên biển giữa Việt Nam với các nước khác đã và đang được giải quyết. Việt Nam đã có quan hệ ngoại giao với hầu hết các quốc gia trên thế giới. Quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với tất cả các nước đang phát triển và ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, cũng như nhiều quốc gia khác, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về an ninh địa phương và phát triển. Kinh tế Việt Nam đang trở nên nguy cơ tụt hậu xa hơn do chưa tận dụng hết tiềm năng của khu vực công nghệ tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Mặc dù quốc phòng - an ninh cá nhân của Việt Nam công nghệ

những nhu cầu nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội ở bên ngoài và bên trong vẫn còn tồn tại, chưa có khả năng phục hồi. Các quy định do dân chủ, tôn giáo, các vấn đề nhân quyền ảnh hưởng các thể chế chủ quyền chia rẽ khi hoàn cảnh toàn dân, kích động bạo loạn, ly khai từng khu vực các tỉnh. Tình hình tranh chấp lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán trên Biển Đông có những diễn biến phức tạp, tác động không nhỏ tới đời sống của nhân dân và phát triển kinh tế biển của Việt Nam. Những vấn đề an ninh phi truyền thống như buôn bán và vận chuyển trái phép vũ khí, ma túy, cướp biển, tội phạm xuyên quốc gia có tổ chức, khủng bố, nhòm ngó và di cư trái phép, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, biến đổi khí hậu... cũng là những mối quan tâm an ninh thế giới xuyên quốc gia Việt Nam.

2. CHÍNH SÁCH QUỐC PHÒNG

2.1. Những vấn đề nổi bật trong chính sách quốc phòng

Việt Nam luôn coi việc giữ vững môi trường hoà bình, ổn định phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của đất nước, là mục tiêu xuyên suốt của chính sách quốc phòng Việt Nam. Việt Nam thực hiện chính sách quốc phòng mang tính chất hoà bình, tự vệ, thể hiện chủ trương không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong các quan hệ quốc tế, giữ gìn quy tắc bất xâm phạm và tranh chấp với các quốc gia

gia khác bằng biện pháp hoà bình. Việt Nam chỉ tranh
tranh bằng biện pháp hoà bình, không dùng vũ lực để
phòng chống chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa thực dân
tư tưởng. Việt Nam phản đối các hoạt động chia rẽ
trung. Là một dân tộc phải trải qua nhiều cuộc chiến tranh và
cải cách, do các Tổ quốc, Việt Nam tôn trọng các
cải cách, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích của
các quốc gia khác trên cơ sở nguyên tắc cơ bản của
Hiến chương Liên Hợp Quốc và luật pháp quốc tế, không đòi hỏi
các quốc gia khác phải tôn trọng cải cách, chủ quyền, thống nhất,
toàn vẹn lãnh thổ và các quyền lợi của quốc gia của mình. Việt
Nam chỉ tranh không để cho họ sử dụng chủ nghĩa đế quốc và
chủ nghĩa thực dân trong quan hệ quốc tế nhằm xâm lược và
xâm lược và kiên quyết giáng trả mọi hành động xâm lược.

Giới quyết tranh chấp chủ quyền lãnh thổ trên đất
liên, trên biển do lịch sử liên hệ họ có mối liên hệ bằng
các biện pháp hoà bình trên cơ sở luật pháp quốc tế là chủ
tranh nhất quán của Việt Nam. Vì vậy các tranh chấp
chủ quyền trên biển, mặc dù có yếu tố bằng chứng lịch sử
và cơ sở pháp lý nhưng minh chứng quyền không thể tranh
cãi vì vậy các vùng biển, đảo của Việt Nam trên Biển
Đông, trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa,
Việt Nam vẫn sẵn sàng đàm phán hoà bình giới quyết
các tranh chấp dựa trên các quy định của Công ước 1982
về luật biển của Liên Hợp Quốc. Trong khi tiếp tục tìm
kiếm giải pháp lâu dài cho vấn đề này, Việt Nam chỉ
tranh các bên phải tìm kiếm, nghiêm chỉnh thực hiện
Tuyên bố ASEAN - Trung Quốc về cách ứng xử của các

bên Bên ông (DOC), hàng tiêu xây dựng Bộ quy tắc
ng x (COC), tín nhiệm các ghi pháp công bằng, lâu
dài cho v n ph c t p này Bên ông luôn luôn là
vùng bình hoà bình, hạnh phúc và phát triển.

Việt Nam xây dựng xã hội chủ nghĩa trên cơ sở
nhân dân, các nhà lãnh đạo, các nhà chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh
đạo, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức
mạnh cá nhân và sức mạnh tập thể và thực hiện quyền lợi
của nhân dân và thực hiện an ninh nhân dân. Việt Nam chú trọng phát triển kinh tế - xã hội
theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế nhanh, bền
vững. Bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn
lãnh thổ và các lợi ích quốc gia khác nhau trong tình
hình thế giới và khu vực đang có nhiều thay đổi, Việt Nam
xây dựng nền quốc phòng toàn dân dựa trên truyền thống
yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chủ trương xây
dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh, kết hợp và
phát huy các giá trị văn hoá khoa học quân sự Việt Nam qua các
thời kỳ, xây dựng ngành thu thuế Việt Nam đáp ứng các
yêu cầu của chiến tranh hiện đại.

Tích cực, chủ động ngăn ngừa và xử lý nguy cơ chiến
tranh là một trong các nhiệm vụ trọng yếu của quốc phòng
Việt Nam trong thời bình nhằm thể hiện chủ nghĩa quốc

phòng t i u là b o v c ch quy n, th ng nh t, toàn v n lãnh th và các quy n l i qu c gia khác mà không c n ph i ti n hành chi n tranh. Vi t Nam ch tr ng th c hi n chi n l c qu c phòng d a trên t ng th các ho t ng chính tr , kinh t , ngo i giao, v n hoá - xã h i và quân s nh m tri t tiêu các nguyên nhân d n n xung t v trang và chi n tranh. Quán tri t ph ng châm phòng th toàn di n, ch ng, b o v T qu c t xa, qu c phòng Vi t Nam s d ng các bi n pháp t ng h p nh m gi v ng n nh bên trong, ng n ng a các nguy c can thi p t bên ngoài.

Qu c phòng Vi t Nam luôn g n bó m t thi t v i ng l i i ngo i c l p, t ch , hoà bình, h p tác và phát tri n, chính sách i ngo i r ng m , a ph ng hóa, a d ng hóa quan h qu c t c a ng và Nhà n c Vi t Nam. Thông qua các m i quan h i ngo i, Vi t Nam t ng c ng s hi u bi t và tin t ng l n nhau v i nhân dân và chính ph các n c, t o c s m r ng h p tác, gi i quy t các mâu thu n nh m ng n ch n và y lùi các nguy c xung t, góp ph n duy trì môi tr ng hoà bình, n nh trong khu v c và trên th gi i. Th c hi n chính sách qu c phòng c l p, t ch , Vi t Nam xây d ng s c m nh qu c phòng b ng ngu n l c m i m t c a t n c và con ng i Vi t Nam. Vì v y, Vi t Nam ch tr ng không tham gia các t ch c liên minh quân s , không cho n c ngoài t c n c quân s ho c s d ng lãnh th c a mình ch ng l i n c khác. ng th i, Vi t Nam chú tr ng phát tri n quan h qu c phòng v i t t c các n c trên c s tôn tr ng c l p, ch quy n c a nhau, cùng có l i. Vi t Nam coi tr ng h p tác qu c phòng v i các

n c l ng gi ng, b n b  truy n th ng ng th i ph t tri n quan h qu c ph ng v i t t c c c n c c  chung m c ti u v i ho  b nh, c l p v  ph t tri n. Tr n tinh th n “kh p l i qu  kh , h ng t i t ng l i” Vi t Nam s n s ng h p t c v i c c n c gi i quy t c c v n nh n o do l ch s l i ng th i ho n gh nh c c s ng ki n v  c c ho t ng ph c v ho  b nh, h p t c c a t t c c c qu c gia, kh ng ph n bi t ch ch nh tr hay l ch s quan h v i Vi t Nam.

Vi t Nam ki n quy t l n n v  ch ng l i h nh ng kh ng b d i m i h nh th c ng th i ph n i c c ho t ng l i d ng ch ng kh ng b can thi p v o c ng v i c n i b c a c c n c. C ng v i n l c th c hi n c c bi n ph p c n thi t ng n ng a v  i ph o v i c c ho t ng kh ng b , Vi t Nam ng h nh ng n l c c a c ng ng qu c t v  m r ng h p t c nh m ng n ng a c c ho t ng kh ng b v  c c ho t ng h tr kh ng b d i m i h nh th c. Vi t Nam cho r ng c c bi n ph p ch ng kh ng b v  h p t c qu c t ch ng kh ng b ph i c t i n h nh trong khu n kh Li n h p qu c, ph  h p v i nh ng nguy n t c c b n c a Hi n ch ng Li n h p qu c v  lu t ph p qu c t . Vi t Nam  k y 8 trong t ng s 12 c ng c c a Li n h p qu c v ch ng kh ng b , ang xem x t tham gia c c c ng c c n l i.

Vi t Nam ng h gi i quy t c c i m n ng c  nguy c b ng n x ng t kh c trong khu v c th ng qua i tho i, th ng l ng ho  b nh, kh ng s d ng v l c hay e do s d ng v l c.

2.2. i ngo i và h p tác qu c phòng

Là m t t n c ang h i nh p m nh m vào c ng ng qu c t , Vi t Nam th c hi n nh t quán ng l i i ngo i c l p, t ch , hoà bình, h p tác và phát tri n v i chính sách i ngo i r ng m , a ph ng hoá, a d ng hoá các m i quan h qu c t theo ph ng châm: Vi t Nam là b n, là i tác tin c y v i t t c các n c trong c ng ng qu c t .

i ngo i qu c phòng là b ph n quan tr ng c a n ngo i giao Nhà n c, m c tiêu c a i ngo i qu c phòng là thi t l p và phát tri n quan h v qu c phòng v i t t c các n c trên c s bình ng, tôn tr ng l n nhau nh m góp ph n vào công cu c xây d ng t n c, xây d ng l c l ng v trang, c ng c qu c phòng, an ninh, b o v T qu c, góp ph n gi v ng hoà bình và an ninh khu v c và trên th gi i.

Trong m t th gi i ngày càng ph thu c l n nhau, an ninh c a Vi t Nam không th tách r i an ninh khu v c nói riêng và an ninh c a th gi i nói chung. H p tác qu c phòng là m t trong nh ng y u t quan tr ng duy trì hoà bình, n nh trong khu v c và trên th gi i ng th i c ng là m t y u t quan tr ng th c hi n các m c tiêu qu c phòng c a Vi t Nam. Chính vì v y, Vi t Nam ch tr ng m r ng i ngo i qu c phòng, tham gia ngày càng tích c c vào các ho t ng h p tác qu c phòng, an ninh c a khu v c và c a c ng ng qu c t .

Quân đội nhân dân Việt Nam chủ trương mở rộng và nâng cao hiệu quả các mối quan hệ quốc phòng song phương, tăng tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc phòng đa phương. Việt Nam ý muốn quan hệ ngoại giao quốc phòng đi đôi với hình thức trao đổi các đoàn quân sự các cấp, tham vấn - đối thoại quốc phòng, tham gia các diễn đàn khu vực và quốc tế... nhằm tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau, xây dựng lòng tin và ngăn ngừa xung đột.

Việt Nam mong muốn mở rộng quan hệ quốc phòng song phương với tất cả các quốc gia. Các lĩnh vực ưu tiên trong quan hệ quốc phòng của Việt Nam với các nước là trao đổi các đoàn quân sự, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm; hợp tác huấn luyện, đào tạo, giới thiệu các chuyên gia nhân sự... Hiện nay, Việt Nam đã có quan hệ quốc phòng chính thức với 65 nước trong đó có các cường quốc trên thế giới; đã thi tuyển 1000 chuyên gia quốc phòng từ 31 nước và đã có 42 nước thi tuyển 1000 chuyên gia quốc phòng từ Việt Nam.

Việt Nam ý muốn hợp tác quốc phòng với các nước ASEAN trong khuôn khổ chương trình xây dựng Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN và phù hợp quan hệ song phương với từng nước theo hướng mở rộng chia sẻ thông tin, kinh nghiệm, tăng cường hợp tác đào tạo, huấn luyện, phối hợp xử lý các vấn đề an ninh mà các bên cùng quan tâm.

Việt Nam chú trọng mở rộng thị trường quốc phòng với các nước có liên quan, giúp cho các bên hiểu rõ quan hệ lẫn nhau, tạo ra cơ hội quy tụ các vốn có liên quan nhằm lợi ích của các bên. Việt Nam đã tiến hành thị trường quốc phòng - an ninh thông xuyên biên giới với các quốc gia trong khu vực ASEAN, Trung Quốc, Nga, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Pháp, Ấn Độ... Cùng với việc tăng cường trao đổi các đoàn quân sự cấp cao, giao lưu giữa các sĩ quan, hợp tác giữa các nhà trường, các viện nghiên cứu của Bộ Quốc phòng Việt Nam với các nước cùng chí hướng. Việt Nam đã đón 46 đoàn gồm 81 lượt tàu, hơn 18000 lượt sĩ quan và thủ tục hải quân các nước tới thăm các cảng Hải Phòng, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2008, lần đầu tiên, Việt Nam đã có đoàn tàu hải quân tới thăm hợp tác ngoài biên giới.

Do điều kiện địa lý, lịch sử và quá trình hình thành kinh tế khu vực và thế giới ngày càng sâu, nên sự vận động quốc phòng, an ninh của Việt Nam ngày càng liên quan chặt chẽ với các quốc gia láng giềng. Vì vậy, để hội nhập hội nhập trao đổi các đoàn quân sự, hợp tác và huấn luyện, ào tạo... với tất cả các nước, Việt Nam ưu tiên hợp tác với các nước láng giềng để quy tụ các vốn quốc phòng - an ninh song phương. Việt Nam đã hoàn thành phân giới cắm mốc biên giới trên bộ với Trung Quốc; đang tiến hành phân giới cắm mốc trên biển với Lào; đang tiến hành phân giới cắm mốc biên giới với Lào; đang tăng cường phối hợp tu sửa

kiểm soát khu vực biên giới trên đất liền giữa biên phòng Việt Nam và các láng giềng biên phòng và an ninh các nước. Chúng tôi nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về biên giới, các thỏa thuận hợp tác biên phòng nhằm phòng ngừa các loại tội phạm như buôn lậu qua biên giới, di cư bất hợp pháp, buôn bán nhân và trẻ em, ma túy... góp phần xây dựng biên giới hòa bình và hữu nghị. Việt Nam đã cố gắng giới thiệu quy tắc các vấn đề biên giới trên biển, mở rộng hợp tác với các nước khác để bảo đảm an ninh biển. Hải quân Việt Nam đã lập nên dây nóng và tiến hành tuần tra chung với hải quân các nước như Campuchia, Ma-lai-xi-a, Thái Lan, Trung Quốc nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp bảo vệ an ninh trên các vùng chồng lấn và khu vực giáp ranh trên biển.

Thị trường và duy trì quan hệ giữa Tổng cục Tình báo quốc phòng Việt Nam và các cơ quan tình báo quân sự các nước là kênh trao đổi thông tin quan trọng về các vấn đề quốc phòng - an ninh.

Việt Nam đánh giá cao và tích cực tham gia vào các hoạt động hợp tác đa phương trên lĩnh vực giữ gìn an ninh các tài chính, các di sản văn hóa và quốc tế như Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Di sản văn hóa ASEAN (ARF), Di sản hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)...

Là thành viên chính thức của Liên hợp quốc từ năm 1977, Việt Nam đã thể hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ của

mình cũng tích cực và có trách nhiệm vào các vấn đề an ninh quốc tế. Trong thời gian là Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (nhiệm kỳ 2008 - 2009) Việt Nam đã tham khảo ý kiến của các nước không liên kết, phối hợp chặt chẽ với các nước thành viên Hội đồng Bảo an để đưa ra các quy định về các vấn đề an ninh quốc tế phù hợp với các nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc.

Việt Nam đánh giá cao vai trò và coi trọng gìn giữ hòa bình là một chức năng quan trọng của Liên Hợp Quốc. Hoàn thành tốt chức năng này, các hoạt động gìn giữ hòa bình Liên Hợp Quốc phải tuân thủ nguyên tắc tôn trọng chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và không can thiệp vào công việc nội bộ của các quốc gia; bảo đảm tính vô tư, không thiên vị và chấp hành nghiêm khắc các bên liên quan đồng ý. Việt Nam đang hoàn tất quá trình chuyển biến có thể tham gia một cách có hiệu quả các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc, phù hợp với khả năng và điều kiện của mình. Các cơ quan hữu quan của Việt Nam đang tích cực nghiên cứu, học tập kinh nghiệm của các nước khác, chuyển biến nhân sự có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và kỹ thuật pháp quốc tế có thể tham gia các hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên Hợp Quốc với hiệu quả cao nhất.

Xuất phát từ trách nhiệm quốc gia và tích cực đóng góp vào những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì hòa bình, an ninh và giữ gìn quân bình, Việt Nam tích cực tham

gia vào các hoạt động của các ngành quốc tế nhằm ngăn ngừa, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh công nghệ kỹ thuật và quân sự, và chi phối tranh chấp và chiến tranh. Việt Nam đã cùng các nước Đông Nam Á khác ký Hiệp ước khu vực Đông Nam Á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Việt Nam kêu gọi các nước sử dụng vũ khí hạt nhân tham gia Nghị định thư của Hiệp ước này. Đông Nam Á mãi mãi là khu vực không có vũ khí hạt nhân. Phù hợp với chiến lược ngoại giao là ngoại giao và tích cực đóng góp vào những nỗ lực chung của các ngành quốc tế và gia đình, Việt Nam hoan nghênh những sáng kiến nhằm ngăn chặn việc phát triển, sản xuất, tàng trữ, và sử dụng các loại vũ khí hạt nhân hàng loạt. Đồng thời, Việt Nam cho rằng các quốc gia có quyền nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ hạt nhân, hoá học và sinh học vì mục đích hoà bình theo các quy định của luật pháp quốc tế. Việt Nam đã tham gia và chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ công ước, hiệp định, nghị định thư về cấm phổ biến các loại vũ khí hạt nhân hàng loạt và các công ước quốc tế và gia đình khác. Việt Nam cũng đang nghiêm chỉnh xem xét các điều ước, công ước quốc tế trên lĩnh vực quốc phòng - an ninh và tích cực chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thực hiện nghĩa vụ khi tham gia.

Việt Nam sẵn sàng hợp tác với các nước trong khu vực và trên thế giới trong nỗ lực giảm thiểu các vấn đề an ninh phi truyền thống. Để nâng cao hiệu quả hợp tác trên lĩnh vực này, Việt Nam chấp nhận mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác song phương và đa phương nhằm trao

Thông tin, kinh nghiệm, lập kế hoạch phối hợp với các cơ quan hữu quan của các nước phòng ngừa, kiểm soát và xử lý các vấn đề an ninh phi truyền thống có liên quan. Các cơ quan chức năng của Việt Nam đang chủ động và nhân sự và trang bị kỹ thuật có thể tham gia các hoạt động diễn tập đa phương nhằm tìm kiếm cứu nạn trên Biển Đông, trọng tâm là với các nước láng giềng và các nước trong khu vực.

Việt Nam chú trọng tăng cường hợp tác quốc phòng với các nước ASEAN dựa trên các cơ chế hợp tác quốc phòng - an ninh trong quá trình xây dựng Cộng đồng ASEAN. Các cơ chế này được xây dựng trên cơ sở các nguyên tắc “đồng thuận”, “không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau”, “không biến Cộng đồng ASEAN thành liên minh quân sự hay khi phòng thủ chung”... và các nguyên tắc cơ bản khác của Hiến chương ASEAN. Việt Nam đánh giá cao và tích cực tham gia Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng các nước ASEAN (ADMM) và các hội nghị quan chức quốc phòng khác, cũng như các sáng kiến tăng cường hợp tác giữa quân đội các nước ASEAN nhằm giữ gìn quy tắc các vấn đề an ninh mà các bên cùng quan tâm. Trên tinh thần đó, Bộ Quốc phòng Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia các cơ chế hợp tác đa phương với các nước ASEAN trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh như tham dự các hội nghị quốc phòng các nước ASEAN tại các cấp, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng quốc phòng, đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, chống khủng bố, tham gia các hoạt động nhân đạo trong phòng chống thiên tai, c

quan sát viên t i đ các cu c di n t p quân s c a các n c trong khu v c... N m 2010, v i t cách là ch t ch ASEAN, Vi t Nam s ph i h p ch t ch v i các n c thành viên khác t ch c thành công các h i ngh và ho t ng nh m t ng c ng quan h h p tác qu c phòng gi a các n c trong Hi p h i. B Qu c phòng Vi t Nam c ng ng h và tham gia tích c c vào n l c m r ng quan h h p tác v qu c phòng - an ninh v i các i tác bên ngoài ASEAN nh m góp ph n duy trì hoà bình, n nh khu v c và trên toàn th gi i.

Phần thứ hai

XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG

Qu c phòng Vi t Nam là n n qu c phòng toàn dân, bao g m t ng th các ho t ng v chính tr , kinh t , ngo i giao, quân s , v n hoá, khoa h c... c a nhà n c và nhân dân t o nên s c m nh toàn di n, cân i, ng b , trong ó s c m nh quân s là c tr ng, l c l ng v trang là nòng c t, nh m gi v ng hoà bình, n nh t n c, ng n ch n các ho t ng phá ho i, gây chi n, y lùi nguy c chi n tranh, ng th i s n sàng ánh b i chi n tranh xâm l c d i m i hình th c và quy mô.

N n qu c phòng toàn dân là s c th hoá chính sách qu c phòng c a Vi t Nam, th hi n c c u t ch c, ho t ng c a các ngành, các c p và c a toàn dân theo m t ý nh, chi n l c th ng nh t, nh m t o ra s c m nh hi n th c b o v T qu c. M c ích c a n n qu c phòng toàn dân là b o v v ng ch c c l p ch quy n, th ng nh t, toàn v n lãnh th , b o v an ninh qu c gia trên m i l nh v c, b o v ch , b o v m i thành qu cách m ng, b o v s nghi p i m i ng th i ng n ch n, y lùi m u toan gây b o lo n, xung t v trang, chi n tranh xâm l c, gi v ng môi tr ng hoà bình n nh công nghi p hoá và hi n i hoá t n c ng th i s n sàng ánh b i m i cu c chi n tranh xâm l c. M c tiêu xây d ng n n qu c phòng toàn dân trong th i k m i là nh m không ng ng nâng cao s c m nh qu c phòng c a t n c, ng n ng a và s n sàng ánh th ng các lo i hình chi n tranh xâm l c c a k thù trong m i hoàn c nh. N n qu c phòng toàn dân c xây d ng theo ph ng h ng: *toàn dân, toàn di n, t ch , t l c, t c ng và ngày càng hi n i.*

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và quốc phòng bao gồm xây dựng tiềm lực quốc phòng, lực lượng quốc phòng, thể chế quốc phòng và cơ chế lãnh đạo, quản lý quốc phòng.

1. XÂY DỰNG TIỀM LỰC QUỐC PHÒNG

Tiềm lực quốc phòng bao gồm: tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế, tiềm lực khoa học và công nghệ và tiềm lực quân sự.

1.1. Xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần

Tiềm lực chính trị - tinh thần là thành tố cơ bản của tiềm lực quốc phòng, đặc biệt trong thời kỳ công nghiệp, trong truyền thống lịch sử - văn hoá dân tộc và trong hệ thống chính trị. Đây là khả năng tiềm tàng về chính trị tinh thần có thể huy động nhằm tạo ra sức mạnh thực tiễn nhằm về quốc phòng. Tiềm lực này biểu hiện nhân thức, ý chí, niềm tin, tâm lý, tình cảm của nhân dân và lực lượng vũ trang thực tiễn về quốc phòng của đất nước.

Tiềm lực chính trị - tinh thần của quốc phòng Việt Nam hiện nay là kết quả của một quá trình xây dựng lâu dài dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là sự tiếp nối truyền thống dân tộc, gìn giữ các giá trị dân tộc trong hàng nghìn năm lịch sử.

Xây dựng tiềm lực chính trị - tinh thần thực chất là xây dựng lòng tin của mọi tầng lớp nhân dân vào bản chất tốt đẹp của chế độ, vào thế giới của sự nghiệp xây dựng và

b o v T qu c. Do v y, xây d ng ng trong s ch, v ng m nh, xây d ng Nhà n c pháp quy n th c s là c a dân, do dân, vì dân và không ng ng nâng cao i s ng v t ch t, tinh th n cho nhân dân là y u t có tính quy t nh trong xây d ng tỉ m l c chính tr - tinh th n. Xây d ng tỉ m l c chính tr - tinh th n òi h i ph i ti n hành giáo d c nâng cao ý th c qu c phòng cho toàn dân, nh t là cho th h tr , h c sinh, sinh viên và b i d ng ki n th c qu c phòng - an ninh cho cán b ch ch t các c p, các ngành. Vi t Nam ã xây d ng c h th ng giáo trình giáo d c qu c phòng cho t t c các i t ng. Tỉ m l c chính tr - tinh th n c xây d ng trong quá trình c ng c kh i i oàn k t toàn dân, trong th c hi n nghiêm ch nh chính sách t do tôn giáo và bình ng gi a các dân t c c a Nhà n c Vi t Nam. Nhà n c Vi t Nam th c hi n nh t quán chính sách tôn tr ng v à b o m quy n t do tín ng ng, theo ho c không theo m t tôn giáo nào, quy n sinh ho t tôn giáo bình th ng theo úng pháp lu t; nghiêm c m l i d ng các v n dân t c, tín ng ng, tôn giáo ho t ng trái pháp lu t và chính sách c a Nhà n c, kích ng chia r nhân dân, chia r các dân t c, gây r i, xâm ph m an ninh qu c gia. Là m t qu c gia có 54 dân t c anh em, Nhà n c Vi t Nam th c hi n chính sách bình ng gi a các dân t c. Các dân t c Vi t Nam có quy n bình ng trong vi c nâng cao i s ng v t ch t và tinh th n, m mang dân trí, gi gìn, làm giàu và phát huy b n s c v n hóa và truy n th ng t t p c a dân t c. Nhà n c có chính sách u tiên phát tri n kinh t - xã h i vùng sâu, vùng xa, vùng biên gi i, bi n, o, xoá ói gi m nghèo

tăng bước giảm bớt, tiến tới xoá bỏ chênh lệch khoảng cách phát triển giữa các vùng, miền. Tiềm lực chính trị - tinh thần của công tác xây dựng thông qua thực hiện dân chủ rộng rãi theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra", tri thức tranh chấp tham nhúng, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

1.2. Xây dựng tiềm lực kinh tế

Tiềm lực kinh tế là khả năng tiềm tàng về kinh tế (bao gồm các kinh tế quân sự) có thể huy động phát triển kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng hoặc tiến hành chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở vật chất của các tiềm lực khác, thể hiện khả năng, năng suất, chất lượng, hiệu quả an ninh sản xuất xã hội, nhập khẩu, năng lực an ninh kinh tế, nguồn dự trữ tài nguyên, chất lượng, trình độ lực lượng lao động... Trong lĩnh vực quốc phòng, tiềm lực kinh tế của bộ đội hiện các mặt chủ yếu như khả năng nhân lực, vật lực, tài lực của an ninh kinh tế có thể đóng góp vào việc xử lý các tình huống trong chiến tranh và chiến đấu. Tiềm lực kinh tế còn thể hiện tính công nghệ và sức sản xuất của an ninh kinh tế, khả năng bảo đảm an ninh kinh tế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và thách thức ác liệt của chiến tranh.

Xây dựng tiềm lực kinh tế của an ninh quốc phòng toàn dân cần thực hiện thông qua kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với công tác quốc phòng - an ninh bảo vệ Tổ quốc; phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với xây dựng các khu vực phòng thủ (thành phố) theo

quy hoạch, kế hoạch đã xác định; xây dựng các khu kinh tế -
quốc phòng, quốc phòng - kinh tế tại các huyện biên giới
trên địa bàn.

Trong những năm qua, kinh tế Việt Nam liên tục đạt
những thành tựu đáng kể. Tổng sản phẩm trong nước tăng
đáng kể, cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng
công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kết cấu hạ tầng phát triển.
Việt Nam đã tích cực, chủ động hội nhập với kinh tế khu
vực và thế giới và đã trở thành thành viên của Tổ chức
thương mại thế giới (WTO). Những năm qua, tình hình
của các tầng lớp nhân dân và lực lượng vũ trang cơ bản
thịnh tiến; trình độ dân trí, chất lượng nguồn nhân lực và tính
năng động của các thành phần kinh tế - xã hội tiếp tục nâng
lên đáng kể. Việt Nam đang nỗ lực hội nhập kinh tế quốc
tế theo các mục tiêu năm 2020 trở thành một nước công
nghiệp theo hướng hiện đại.

Những phát triển kinh tế những năm qua, việc xây dựng
tầm vóc kinh tế cho nền quốc phòng toàn dân đã đạt những
kết quả quan trọng. Việt Nam đã có những bước tiến đáng
ngạc nhiên về vị trí và vai trò trong khu vực và thế giới; hệ thống
cơ sở hạ tầng phát triển ngày càng hoàn chỉnh và hiện đại, tạo
điều kiện thuận lợi cho các hoạt động quốc phòng. Mặc dù
nền kinh tế còn có nhiều khó khăn trong quá trình phát triển,
lợi ích tác động của suy thoái kinh tế toàn cầu ảnh hưởng Nhà
nước Việt Nam đã dành một phần lớn ngân sách quốc gia
cho các nhu cầu quốc phòng nói chung và đảm bảo trang
bị, vũ khí cho lực lượng vũ trang nói riêng.

Bảng 1: Ngân sách quốc phòng Việt Nam

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
GDP	839 211	973 791	1 143 442	1 490 000
Ngân sách quốc phòng	16 278	20 577	28 922	27 024
Tỷ trọng theo GDP	1,872%	2,194%	2,529%	1,813%

Ngân sách nêu trên chủ yếu bố trí cho các đơn vị nghiên cứu, huấn luyện, chi trả và công nhân viên quốc phòng, bộ máy hoạt động của công nghiệp quốc phòng, duy trì kho dự trữ chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Xây dựng tiềm lực kinh tế quốc phòng còn là một thách thức cho công nghiệp quốc phòng. Nhiệm vụ công nghiệp quốc phòng phải thực sự là bộ phận công nghiệp quốc gia do Bộ Quốc phòng quản lý. Công cụ chính để nâng cao năng lực công nghiệp quốc phòng cần tiến hành theo hướng công nghiệp hoá, bộ môn sản xuất, chế tạo, nâng cấp vũ khí, trang bị theo yêu cầu nhiệm vụ phát triển mặt an ninh và trang bị nhân dân trên các vùng chiến lược; chú trọng phát huy năng lực quốc phòng của các địa phương.

1.3. Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ

Tiềm lực khoa học và công nghệ là khả năng tiềm tàng về khoa học và công nghệ (cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ ...) có thể huy động nhằm giải quyết những nhiệm vụ trọng tâm và lâu dài của xã hội và xử lý các tình huống quốc phòng bảo vệ Tổ quốc. Tiềm lực khoa học và công nghệ là thành tố có vai trò ngày càng quan trọng trong tiềm lực quốc phòng. Tiềm lực có sức biểu hiện trình độ và khả năng phát triển khoa học; số lượng và chất lượng các nhà khoa học; cơ sở vật chất phục vụ cho công tác nghiên cứu, phê bình và nâng đỡ ngành khoa học và công nghệ vào lĩnh vực quốc phòng. Tiềm lực khoa học và công nghệ tác động trực tiếp nâng cao phát triển của khoa học và công nghệ trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, cơ cấu tổ chức lực lượng vũ trang, công tác chỉ huy và quản lý binh lực...

Xây dựng tiềm lực khoa học và công nghệ của nhân dân quốc phòng toàn dân gắn bó chặt chẽ với sự phát triển khoa học và công nghệ của đất nước. Nhà nước Việt Nam coi ưu tiên phát triển khoa học - công nghệ là nền tảng và động lực phát triển kinh tế - xã hội. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, làm nền tảng vững chắc cho tiềm lực khoa học và công nghệ của nhân dân quốc phòng toàn dân... Nhà nước Việt Nam đã quan tâm ưu tiên cơ sở vật chất, kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu - phát triển khoa học - công nghệ nên thời kỳ có chính sách phát triển và ưu ái riêng cán bộ khoa học - công

nghe. Nhà nước cũng đã đưa ra các biện pháp khuyến khích khoa học - công nghệ và sản xuất, kinh doanh, bảo vệ quyền tác giả, tăng cường tập trung công nghệ; mở rộng hợp tác quốc tế tiếp thu những công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam. Tuy còn những khó khăn hạn chế, những tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước đang tăng trưởng nhanh chóng, phần lớn ngày càng có nhiều ưu thế cho phát triển kinh tế và công nghệ quốc phòng - an ninh của Việt Nam.

Trong những năm qua, khoa học - kỹ thuật và nghệ thuật quân sự Việt Nam đặc biệt quan tâm phát triển, tập trung nghiên cứu các giải pháp kỹ thuật và chiến thuật mới để có nhiều ưu thế về chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao. Việt Nam chú trọng kết hợp và phát huy nghệ thuật chiến tranh nhân dân trong nghệ thuật tác chiến chiến lược, chiến dịch và chiến thuật... đáp ứng các điều kiện chiến tranh hiện đại, nhằm phát huy cao nhất sức mạnh của công nghệ và vũ khí trong chiến tranh xâm lược. Khoa học - kỹ thuật quân sự Việt Nam phát triển nhằm đáp ứng các nhu cầu trên cơ sở trang bị vũ khí các loại nâng cao trình độ nhân dân cũng như tăng cường nghiên cứu phát triển các giải pháp công nghệ, các loại khí tài mới đáp ứng yêu cầu chiến tranh trong tương lai. Nhà nước Việt Nam đang hoàn thiện cơ chế thu hút, sử dụng nhân tài, phát huy tiềm lực khoa học công nghệ trong và ngoài nước cho xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

1.4. Xây dựng tiềm lực quân sự

Tiềm lực quân sự là khả năng về vật chất và tinh thần có thể huy động tạo thành sức mạnh phục vụ nhiệm vụ quân sự, quốc phòng trong chiến tranh và thời bình. Tiềm lực quân sự là nền tảng của tiềm lực quốc phòng, được xây dựng trên nền tảng của tiềm lực chính trị - tinh thần, tiềm lực kinh tế và tiềm lực khoa học và công nghệ. Tiềm lực quân sự không chỉ thể hiện khả năng duy trì, hoàn thiện và không ngừng phát triển sức mạnh chiến đấu, trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang mà còn biểu hiện nguồn dự trữ về sức người, sức của phục vụ cho nhiệm vụ quân sự.

Nhà nước Việt Nam xây dựng tiềm lực quân sự theo kế hoạch chiến lược thống nhất, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Nâng lực chiến đấu và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang thể hiện tại chiến lược, biên chế, trang bị, cơ sở bố trí, huấn luyện, nghệ thuật quân sự và khoa học - kỹ thuật thông xuyên các quan tâm duy trì, hoàn thiện và không ngừng phát triển, đáp ứng các yêu cầu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.

Tiềm lực quân sự bao gồm hai yếu tố cơ bản là con người và vũ khí, trang bị trong đó con người là yếu tố quyết định. Việt Nam có tiềm lực quân sự mạnh mẽ từ phần lớn nguồn nhân lực trẻ dồi dào. Nhà nước Việt Nam quan tâm xây dựng và nâng cao quan tâm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Luật Sĩ Quan Quân đội nhân dân Việt Nam thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XII đã xác định rõ

tiêu chuẩn chung của quan Quân đội nhân dân Việt Nam là tuy tập trung thành viên Tập đoàn, nhân dân và Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; có phẩm chất tốt; cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; phát huy dân chủ, nghiêm túc kỷ luật quân đội; tôn trọng và đoàn kết với nhân dân, với đồng bào; có trình độ chính trị, khoa học quân sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc gia. Luật cũng đã nêu chính sách ưu tiên kéo dài tuổi phục vụ tình nguyện của quan nhằm tận dụng kỹ năng nhân lực trong ào tạo, sản xuất, phát huy năng lực kinh nghiệm của quan, nhất là quan chuyên môn nghiệp vụ, cán bộ khoa học có trình độ cao mà vẫn giữ được tính chiến đấu lao động quân sự. Luật cũng nêu chính sách ưu tiên chính sách ưu tiên quan, xác định quân đội là “ngành lao động chiến đấu” làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Luật Nghĩa vụ quân sự sửa đổi cũng thông qua tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XI đã ghi nhận thời gian thực hiện nghĩa vụ quân sự từ 24 tháng xuống 18 tháng. Quy định này tạo điều kiện cho thanh niên tham gia quân đội. Các thanh niên sau khi phục vụ quân đội sẽ là lực lượng dự bị hùng hậu, sẵn sàng đóng góp cho lực lượng thực tiễn.

Thời lực lượng quân sự còn thể hiện khả năng đóng góp công nghiệp, nông nghiệp, khoa học - kỹ thuật, giao thông vận tải và các ngành dịch vụ công nghiệp khác đáp ứng yêu cầu quốc phòng. Xây dựng thời lực lượng quân sự cũng gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các thành tựu trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao... là cơ sở xây dựng lực lượng vanguard, phát

tri n khoa h c ngh thu t quân s , khoa h c xã h i và nhân v n quân s . Nhà n c Vi t Nam ch tr ng g n vi c xây d ng ti m l c quân s v i vi c xây d ng ti m l c chính tr - tinh th n, ti m l c kinh t , ti m l c khoa h c và công ngh , coi ó là yêu c u t t y u trong xây d ng ti m l c c a n n qu c phòng toàn dân, b o m kh n ng huy ng t o thành s c m nh b o v v ng ch c T qu c.

2. XÂY D NGL CL NG QU C PHÒNG

N n qu c phòng Vi t Nam đ a vào s c m nh toàn di n c a các ngu n l c nên l c l ng qu c phòng bao g m l c l ng c a toàn dân v i l c l ng v trang nhân dân là nòng c t.

Xây d ng l c l ng qu c phòng tr c h t ph i xây d ng, c ng c v ng ch c h th ng chính tr bao g m ng, Nhà n c, M t tr n và các oàn th nhân dân, trong ó tr ng tâm là xây d ng và t ng c ng vai trò lãnh o c a ng, hi u l c qu n lý, i u hành c a b máy chính quy n các c p. H th ng chính tr là h t nhân c a l c l ng qu c phòng, có vai trò quy t nh trong huy ng, phát huy s c m nh qu c phòng c a t n c. Trong h th ng chính tr , vi c xây d ng, c ng c và nâng cao hi u qu ho t ng c a các t ch c qu n chúng có ý ngh a r t quan tr ng t p h p, v n ng qu n chúng th c hi n nhi m v qu c phòng, tr c ti p u tranh b o v a ph ng, c quan n v mình, góp ph n gi v ng n nh chính tr , tr t t an toàn xã h i.

Việc xây dựng lực lượng quần chúng phòng phiếm cần thực hiện đồng bộ hình thức, nội dung và các văn bản quy phạm pháp luật về quần chúng phòng nhằm huy động mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng công an nhân dân quần chúng phòng toàn dân bảo vệ Tổ quốc.

Xây dựng lực lượng vanguard nhân dân vanguard nhằm toàn diện là nhiệm vụ trọng tâm của xây dựng lực lượng quần chúng phòng. Quân đội nhân dân và Công an nhân dân cần xây dựng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại thực sự giữ vai trò nòng cốt của lực lượng quần chúng phòng. Dân quân tự vệ cần tích cực phù hợp với các thành phần kinh tế, văn nghệ nghiệp vụ có trọng điểm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong chiến tranh và thời bình.

3. XÂY DỰNG THỰC TRẠNG QUẦN CHÚNG PHÒNG

Thực trạng quần chúng phòng toàn dân là việc tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng và tổ chức quần chúng phòng trên toàn bộ lãnh thổ theo ý chí chính trị thống nhất, bảo đảm mọi phó thủ lĩnh và mọi đơn vị toan và hoạt động của các thủ lĩnh chủ tâm xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và lợi ích quốc gia, sẵn sàng chuyển thành thực trạng chiến tranh nhân dân nếu chiến tranh xảy ra.

Thực trạng quần chúng phòng toàn dân cần xây dựng gắn với quy hoạch của quốc gia và từng địa phương theo hướng kết hợp chặt chẽ kinh tế với quần chúng phòng, quần chúng phòng với kinh tế; hình thành các khu vực chính trị và văn nghệ chính trị,

giàu về kinh tế, mạnh về quốc phòng - an ninh. Cùng với quá trình xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, việc triển khai xây dựng cơ sở hạ tầng, bố trí hình thức các công trình kinh tế, kỹ thuật có quan hệ trực tiếp đến trật tự quốc phòng toàn dân. Do vậy, xây dựng trật tự quốc phòng toàn dân phải được kết hợp ngay trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Trật tự quốc phòng toàn dân được xây dựng bao trùm liên hoàn, vững chắc, kết hợp trật tự tích cực với thực tiễn, trật tự nghiêm khắc với xây dựng trật tự có trình độ, tập trung cho hàng, khu vực, mức tiêu chuẩn yêu cầu, dựa trên chính sách phân bố lực lượng, xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, quốc phòng - kinh tế các vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, biên phòng, bao trùm phát triển kinh tế - xã hội kết hợp chặt chẽ với tăng cường lực lượng, tiềm lực và trật tự quốc phòng các khu vực xung yếu.

Trên cơ sở ưu tiên hình thức bố trí chính lực lượng an ninh kinh tế trên phạm vi quốc gia, Nhà nước tăng cường đầu tư xây dựng các thành phố, thành phố thành các khu vực phòng thủ vững chắc, bao trùm trong thời bình có khả năng tác động tích cực quy tụ nhân tình huân khí nhân dân địa phương; khi xảy ra chiến tranh thì chiến đấu đánh chặn ngay tại cửa, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch và đẩy quân địch vào thế bị động, sa lầy, tổn thất và phá hủy phá hoại các binh đoàn chiến lược tiêu diệt địch. Việc xây dựng cơ sở thôn, bản, xã, phường, các vùng biên giới, hải đảo và các địa bàn trọng yếu vững mạnh toàn diện được coi trọng.

Cùng với xây dựng khu vực phòng thủ, thể bố trí các các lực lượng vũ trang kiên cường trên từng hướng chiến lược và trên phạm vi chiến lược, hình thành thế trận vững chắc và có tính chiến lược cao sẵn sàng đáp ứng yêu cầu khi xảy ra các tình huống. Các lực lượng bố trí chiến lược và lực lượng vũ trang địa phương bố trí hợp lý, kết hợp chặt chẽ với xây dựng hệ thống phòng thủ tạo thành thế liên hoàn, vững chắc, hiên học cao thể trận quân sự trên các khu vực trọng điểm, bố trí nhiệm vụ tác chiến các lực lượng vũ trang trên bộ, trên không, trên biển, trên sông.

Huy động chiến lược, chiến lược huy động chiến lược, chiến lược huy động chiến lược vùng, từng hướng xây dựng nhiệm vụ bố trí cho nhân dân và lực lượng vũ trang trong kiên cường chiến tranh bảo vệ khí công nghệ cao... trong đó kiên cường chiến lược, chiến lược quan tâm đúng mức. Thế trận quốc phòng chiến lược chiến lược thông qua triển khai các kế hoạch chiến lược như kế hoạch chuyển biến chiến lược bình sang chiến lược; kế hoạch bố trí quốc phòng, an ninh chính trị; bố trí vùng trọng điểm; bố trí biên giới quốc gia.

Thế trận quốc phòng toàn dân chiến lược xây dựng trong mối liên hệ chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân của Việt Nam tạo thành thế liên hoàn, vững chắc, phát huy sức mạnh của các lực lượng, kết hợp các hình thức hoạt động vũ trang và phi vũ trang, tạo nên chiến lược chiến lược linh hoạt, kiên cường chiến lược và phối hợp tác chiến. Đây là nhiệm vụ quan trọng của xây dựng thế trận quốc phòng, th

hiện trong xây dựng các khu vực phòng thủ. Dựa trên các thù địch và nhiệm vụ khu vực phòng thủ, vị trí, triển khai lực lượng tính toán bố trí tính hiệu quả cao nhất trong thực hiện nhiệm vụ khu vực phòng thủ - an ninh địa phương, tổ chức hình thành tổ chức gia đình phòng thủ và an ninh trên mặt trận chiến lược và trên phạm vi chiến lược.

4. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ QU C PHÒNG

4.1. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quân đội nhân dân và nhiệm vụ phòng

Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra đời và quy định mối liên quan chiến lược với Tổ quốc, thông qua các tổ chức đảng giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị trong các hoạt động quốc phòng.

Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mặt chính trị của Quân đội nhân dân nhằm xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tinh thần và tổ chức. Sự lãnh đạo của Đảng tại Quân đội nhân dân Việt Nam được thực hiện thông qua hệ thống tổ chức đảng, hệ thống tổ chức chính trị, chính quyền, cán bộ chính trị các cấp và tổ chức quần chúng nhân dân.

Hệ thống tổ chức đảng trong quân đội gồm có Đảng ủy Quân sự Trung ương (gồm 11 là Ủy ban Trung ương) và Đảng bộ quân sự các cấp. Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam là Bí thư quân

Quân sự Trung ương. Người Quân sự Trung ương còn có Phó Bí thư và các Ủy viên do Bộ Chính trị chỉ định, gồm một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam công tác trong quân đội và một số ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam công tác ngoài quân đội. Các cấp ủy đảng trực tiếp thuộc Quân ủy Trung ương trực tiếp do các chi ủy đảng cùng cấp bầu.

Người Quân sự Trung ương nghiên cứu xu hướng Ban Chấp hành Trung ương Đảng về vấn đề xây dựng lực lượng, nhiệm vụ quân sự và quốc phòng; kế hoạch phòng thủ chiến lược; phương hướng và biện pháp xây dựng nền quốc phòng toàn dân; chức năng của ngành và vị trí Quân đội nhân dân. Người Quân sự Trung ương có trách nhiệm phối hợp và hướng dẫn các cấp ủy đảng trực tiếp thuộc Trung ương thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của ngành và quân sự, quốc phòng. Người Quân sự Trung ương trực tiếp lãnh đạo xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam về mọi mặt toàn diện, xây dựng các tổ chức đảng trong quân đội trong sạch, vững mạnh. Thông qua các biện pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đảng, công tác chính trị, người Quân sự Trung ương bám giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vị trí quân đội. Người Quân sự Trung ương thực hiện chức năng quy định trong pháp luật về vấn đề liên hệ, chỉ đạo, chỉ đạo, kế hoạch thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các biện pháp xây dựng quân đội, quy định về các vấn đề công tác cán bộ trong quân đội. Người Quân sự Trung ương chịu trách nhiệm

Tổng cục Chính trị và thông qua Tổng cục Chính trị chỉ đạo các ngành bộ và hệ thống chính trị, chính trị viên, cơ quan chính trị các cấp tiến hành công tác đảng, công tác chính trị nhằm xây dựng quân đội về mọi mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức, kỹ thuật hoàn thành mọi nhiệm vụ giao.

Hệ thống cơ quan chính trị của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm có Tổng cục Chính trị và các cục, phòng và ban chính trị các cấp. Tổng cục Chính trị chỉ đạo công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân, hoạt động đối ngoại lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương đảng và trực tiếp, thông xuyên là của ngành Quân sự Trung ương. Các cơ quan quy định, chế độ của đội hình đảng, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết của ngành Quân sự Trung ương, mặt lãnh đạo của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị xuất phát từ ngành Quân sự Trung ương các chiến lược, biện pháp, kế hoạch tiến hành công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội; chế độ, hàng ngày, kiểm tra các cấp trong toàn quân thể hiện. Các cơ quan chính trị trong quân đội tiến hành giáo dục bồi dưỡng lòng dũng cảm li chí trung chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước; chế độ hàng ngày xây dựng các ngành bộ, chỉ huy trong sạch, về mọi mặt; hàng ngày các cấp ưu tiên tranh đấu các luận điểm chỉ tranh tâm lý; phê phán vì các cấp ưu tiên, chính quyền và các đoàn thể địa phương tuyên truyền về nhiệm vụ nhân dân thể hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Chính ủy, chính trị viên là cán bộ chủ trì và chính trị các cấp. Tổ chức chính trị ở đơn vị và tổ chức chính trị viên. Tổ chức trung đoàn ở cấp quân khu và tổ chức chính ủy. Chính ủy, chính trị viên chịu trách nhiệm tổ chức cấp trên và cấp dưới về toàn bộ các hoạt động công tác chính trị trong đơn vị; có trách nhiệm tổ chức tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức tiến hành các nội dung công tác chính trị theo chức trách, nhiệm vụ và tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch công tác của đơn vị.

4.2. Quy định nhà nước về quy chế phòng

Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thực hiện việc quy định quy chế phòng theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Nội dung cơ bản của công tác quy định nhà nước về quy chế phòng gồm ban hành hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quy chế phòng; ký kết các điều ước quốc tế và hợp tác quy chế phòng, xây dựng quy hoạch, kế hoạch ngành viên quy chế phòng; tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ quy chế phòng và các biện pháp cần thiết bảo vệ Tổ quốc.

Quy chế là cơ quan quản lý nhà nước cao nhất của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan duy nhất có quyền ban hành các quyết định liên quan đến chính sách cơ bản về nội chính và ngoại giao, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quy chế phòng, an ninh cá nhân, quy tắc nội vụ và chiến tranh và hòa bình; quy định và tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo vệ quy chế phòng và an ninh

quốc gia; tổ chức, xây dựng lực lượng vanguard... Quốc hội
thực hiện quy định giám sát tối cao và vĩ mô toàn bộ hoạt động
quốc phòng của Nhà nước. Trong thời gian từ năm 2005 đến
nay, Quốc hội đã thông qua nhiều luật liên quan đến
quốc phòng như Luật Sĩ quan, bổ sung một số điều của Luật
Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam, Luật Quốc phòng,
Luật Sĩ quan, bổ sung một số điều của Luật Nghĩa vụ quân
sĩ, Luật An ninh Quốc gia, Luật Công an nhân dân, Luật
Biên giới quốc gia... Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thông
qua nhiều pháp lệnh về quốc phòng như Pháp lệnh Cảnh sát
biên giới, Pháp lệnh Dân quân tự vệ, Pháp lệnh Tình báo, Pháp
lệnh Bộ đội Biên phòng, Pháp lệnh Công viên quốc phòng,
Pháp lệnh Công nghiệp quốc phòng...

Chức năng là Chức năng Hội đồng Quốc phòng và An
ninh, thống lĩnh các lực lượng vanguard nhân dân. Chức
năng công bố quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh, ra
lệnh tổng động viên hoặc ngừng việc chiến tranh; ban bố tình
trạng khẩn cấp trong chiến trường hoặc ngừng hoạt động; công
bố và ban hành các luật, pháp lệnh về quốc phòng khác;
quyết định phong hàm cấp tướng, cấp cho sĩ quan trọng
lực lượng vanguard nhân dân.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất
của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành
các nghị định, nghị quyết có tính chất pháp lệnh các
luật, pháp lệnh về quốc phòng. Chính phủ cũng ban hành
các chính sách về công tác quốc phòng và xây dựng quân
đội, lập quy hoạch, kế hoạch công viên quốc phòng; tổ

ch c, ch o th c hi n các nhi m v qu c phòng và các bi n pháp c n thi t b o v T qu c. Theo phân c p, các b ngành ti n hành giáo d c qu c phòng, h p tác qu c t trong m t s l nh v c liên quan n qu c phòng, b o m i s ng v t ch t cho l c l ng v trang và th c hi n các chính sách h u ph ng quân i, ki m tra vi c th c hi n nhi m v qu c phòng... T n m 2004 n nay, Chính ph và Th t ng Chính ph ã ban hành nhi u v n b n liên quan n qu c phòng. Chính ph ã th ch hóa trách nhi m c a các ngành các c p và các t ng l p nhân dân trong công tác xây d ng các t nh (thành ph) thành các khu v c phòng th v ng v chính tr , giàu v kinh t , m nh v qu c phòng - an ninh làm c s v ng ch c cho n n qu c phòng toàn dân. Th t ng Chính ph quy t nh phong hàm c p thi u t ng, trung t ng cho s quan trong l c l ng v trang nhân dân.

B Qu c phòng là c quan tham m u cho ng và Nhà n c v ng l i, nhi m v quân s , qu c phòng b o v T qu c; qu n lý nhà n c v l nh v c qu c phòng trong ph m vi c n c; t ch c th c hi n vi c xây d ng, qu n lý và ch huy Quân i nhân dân, Dân quân t v ; qu n lý các d ch v công theo quy nh c a pháp lu t. B tr ng B Qu c phòng v a là ng i ch o th c hi n các ch c n ng qu n lý nhà n c v quân s , qu c phòng theo quy nh c a pháp lu t, v a ch u trách nhi m t ch c, xây d ng, qu n lý và là ng i ch huy cao nh t c a Quân i nhân dân và Dân quân t v . B Qu c phòng có B T ng tham m u, T ng

c c Chính tr , các t ng c c và các n v tr c thu c khác. B Qu c phòng quy t nh phong hàm c p tá, c p úy cho s quan trong Quân i nhân dân Vi t Nam.

B T ng tham m u là c quan ch huy, i u hành Quân i nhân dân, Dân quân t v và th c hi n các ch c n ng qu n lý nhà n c v qu c phòng. B T ng tham m u t ch c, ch o s phát tri n c a quân i và dân quân t v ng th i ch huy các ho t ng quân s . B T ng tham m u có T ng Tham m u tr ng, các Phó T ng tham m u tr ng, các c c ch c n ng v tác chi n, hu n luy n, quân l c, dân quân t v , nhà tr ng quân i... T ng Tham m u tr ng - Th tr ng B Qu c phòng là ng i thay th B tr ng B Qu c phòng i u hành các ho t ng c a B Qu c phòng khi B tr ng v ng m t. T ng Tham m u tr ng ch o các c quan, n v tr c thu c B T ng Tham m u xây d ng chi n l c qu c phòng; quy ho ch, k ho ch phòng th t n c, ch trì ph i h p, h ng d n, ki m tra, ôn c các B , các c quan ngang B , U ban nhân dân các c p th c hi n các quy nh pháp lu t v qu c phòng, ki m tra ôn c các n v quân i ch p hành pháp lu t c a Nhà n c, m nh l nh c a B tr ng B Qu c phòng.

T ng c c Chính tr là c quan ch o và ti n hành công tác ng, công tác chính tr trong quân i. T ng c c có Ch nhi m và các Phó Ch nhi m, các c c ch c n ng ch u trách nhi m v công tác cán b , tuyên hu n, t ch c ng, công tác dân v n, an ninh quân i... T ng c c Chính

tr là c quan qu n lý hành chính i v i h th ng toà án quân s , vi n ki m sát quân s các c p.

Các c quan ch c n ng c p t ng c c c a B Qu c phòng g m T ng c c K thu t, T ng c c H u c n, T ng c c Công nghi p qu c phòng và T ng c c Tình báo qu c phòng. Các t ng c c có Ch nhi m và các Phó Ch nhi m (riêng T ng c c Tình báo qu c phòng có T ng c c tr ng và các Phó T ng c c tr ng); Chính u và Phó Chính u ; c quan Tham m u, c c Chính tr , các c quan và n v tr c thu c phù h p v i ch c n ng, nhi m v .

T ng c c H u c n là c quan u ngành v h u c n c a Quân i nhân dân Vi t Nam; có ch c n ng tham m u, ch o, t ch c b o m v t ch t, b o m sinh ho t, b o m quân y, b o m v n t i... cho Quân i. T ch c hi n nay g m: V n phòng T ng c c H u c n, B Tham m u H u c n, C c Chính tr , C c H u c n, các c c chuyên ngành (Quân nhu, Quân y, Doanh tr i, X ng d u, V n t i...) và m t s c quan, c s , n v tr c thu c khác.

T ng c c K thu t là c quan u ngành k thu t c a Quân i nhân dân Vi t Nam có ch c n ng tham m u, b o m k thu t cho quân i, có các c c ch c n ng ch u trách nhi m v b o m k thu t cho các quân khu, quân oàn, quân ch ng, binh ch ng. T ng c c còn có các c quan, n v , h c vi n, tr ng k thu t chuyên ngành, các nhà máy, xí nghi p s a ch a v khí và các n v tr c thu c khác.

Tổng cục Công nghiệp quốc phòng chịu trách nhiệm sản xuất vũ khí, trang bị quân dụng cho quân đội và dân quân tự vệ. Có các cơ sở công nghiệp, các nhà máy sản xuất vũ khí, khí tài, các trường dạy nghề, các viện nghiên cứu.

Tổng cục Tình báo quốc phòng là cơ quan tình báo chuyên trách chính của Đảng, Nhà nước Việt Nam; cơ quan tình báo chuyên trách quân sự của Đảng và Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng. Tổng cục Tình báo Quốc phòng là cơ quan trực tiếp thực hiện công tác tình báo cấp chính trị; là cơ quan tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam và Tổng cục Chính trị và hoạt động tình báo, đồng thời là cơ quan chủ ngành trực tiếp chỉ đạo nghiệp vụ tình báo đội và hệ thống quân báo – trinh sát toàn quân.

Các Cảnh sát biên giới thuộc Bộ Quốc phòng là cơ quan chuyên trách của Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô an ninh, trật tự, an toàn, bảo vệ môi trường và pháp luật của Nhà nước Việt Nam và các mối quan hệ quốc tế có liên quan mà Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia trên các vùng biên giới và thềm lục địa Việt Nam. Việt Nam có 4 vùng Cảnh sát biên giới. Cảnh sát biên giới trang bị các loại tàu, thuyền đáp ứng các yêu cầu quản lý vĩ mô pháp luật liên quan đến chủ quyền, quy định quy định, quy định tài phán các khu vực biên giới Việt Nam. Mọi hoạt động của lực lượng Cảnh sát biên giới Việt Nam do Bộ Quốc phòng trực tiếp tổ chức, quản lý và điều hành.

Các Ủy ban, Ủy ban nhân dân Bộ Quốc phòng làm nhiệm vụ các quan trọng của Ủy ban Quốc gia tìm kiếm, cứu nạn, chịu trách nhiệm cứu hộ cứu nạn trong và ngoài quân đội trong công tác cứu hộ, cứu nạn, giảm thiểu tai nạn và khắc phục hậu quả các thảm họa.

Các đội ngũ kỹ thuật Bộ Quốc phòng là các quan quản lý nhà nước về kỹ thuật quân đội, thực hiện chức năng tham mưu cho Tổng cục Kỹ thuật Quân sự Trung ương và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về chỉ đạo, phân công và phối hợp các hoạt động kỹ thuật quân sự; hướng dẫn và quản lý các hoạt động kỹ thuật quân sự; lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động kỹ thuật quân sự trong các lĩnh vực phân công; là đội ngũ của Bộ Quốc phòng trong quan hệ với Tư vấn kỹ thuật các nước, các đội ngũ kỹ thuật giao, các tổ chức quốc tế và khu vực tại Việt Nam.

Tham mưu, giúp việc cho Bộ Quốc phòng có Văn phòng Bộ Quốc phòng nên thiết lập Văn phòng Kỹ thuật Quân sự Trung ương và các cơ quan chức năng khác.

4.3. Phân công nhiệm vụ của các lãnh đạo, quản lý và kỹ thuật

Tổng cục Kỹ thuật của ngành kỹ thuật quân đội là nhiệm vụ yêu cầu nhiệm vụ trọng tâm của Tổng cục trong tình hình mới. Các tổ chức kỹ thuật trong lãnh đạo công tác kỹ thuật quân đội xây dựng thành tựu, nâng bước

Trung tâm các địa phương, nhất là cấp quận khu và cơ sở. Các nội dung lãnh đạo của ngành về quản lý phòng chống dịch bệnh. Chức năng và trách nhiệm phối hợp các cấp, từng ngành, từng địa phương trong các hoạt động liên quan quản lý phòng, chống dịch bệnh khi xử lý các tình huống phát sinh các quy định ngày càng rõ ràng và hoàn thiện.

Cải cách hành chính nhằm làm cho bộ máy nhà nước trên lĩnh vực quản lý phòng chống dịch bệnh ngày càng hiệu quả là công tác có tầm quan trọng đặc biệt. Mục tiêu của cải cách hành chính là xây dựng hệ thống hành chính và quản lý hành chính nhà nước về quản lý phòng thông suốt, có quy định, nghiêm chỉnh, hiệu quả với 3 nội dung chủ yếu là cải cách thể chế hành chính; chuyển đổi thể chế bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức.

Thực hiện quản lý Nhà nước về quản lý phòng chống dịch bệnh các cấp, cơ sở tiếp tục chú trọng trên các xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và các cơ quan, cán bộ chuyên trách quản lý phòng chống dịch bệnh, ngành. Nhiệm vụ quản lý phòng chống dịch bệnh các cấp, ngành các cấp thực hiện hóa bằng pháp luật nhằm phát huy cao nhất quy định quản lý nhà nước về quản lý phòng chống dịch bệnh. Sự phân cấp quản lý nhà nước về quản lý phòng chống dịch bệnh giữa các cấp, cơ quan của Chính phủ và chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiếp tục nghiên cứu thực hiện.

Một trong những chức năng và giới pháp lớn về các cách hành chính và quy chế phòng là bảo đảm thực hiện dân chủ hóa và sự chính trực của xã hội, phát huy quy định làm cho các nhân dân trong bộ và Tổ chức, trong thực hiện các nghĩa vụ và quy định trên lĩnh vực quy chế phòng. Các thực thể hành chính trên lĩnh vực quản lý nhà nước về quy chế phòng tiếp tục các cách thức và xây dựng những cán bộ chuyên trách về quy chế phòng trong sạch, có năng lực.

Cán bộ chuyên trách tại các cơ quan chức năng có trách nhiệm bảo đảm, hướng dẫn và phát huy vai trò làm tham mưu trong thực hiện xây dựng và quản lý công tác quy chế phòng. Quy chế quan hệ, phối hợp, hiệp đồng giữa các ban, ngành, các cơ sở liên quan đến quy chế phòng cần được xây dựng, hoàn thiện và phát huy sự kết hợp giữa các lực lượng. Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật, hệ thống chính sách trong xây dựng và quy chế phòng toàn dân cần nghiên cứu bổ sung, ban hành kịp thời cho phù hợp với thực tiễn, yêu cầu của tình hình mới mà công dân có quyền và nghĩa vụ xây dựng và thực hiện quy chế phòng.

Phần thứ ba

**XÂY DỰNG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
VÀ
DÂN QUÂN TỰ VỆ**

1. T CH C QUÂN I NHÂN DÂN VÀ DÂN QUÂN T V

Quân i nhân dân, dân quân t v là các thành ph n ch y u c a l c l ng v trang nhân dân Vi t Nam, gi vai trò nòng c t trong n n qu c phòng toàn dân, có nhi m v s n sàng chi n u và chi n u b o v T qu c ng th i tham gia vào s nghi p công nghi p hoá và hi n i hoá t n c.

1.1. Quân i nhân dân

Quân i nhân dân Vi t Nam là l c l ng nòng c t c a l c l ng v trang nhân dân Vi t Nam, là i quân t nhân dân mà ra, vì nhân dân mà ph c v , s n sàng chi n u hy sinh “vì c l p t do c a T qu c, vì ch ngh a xã h i, vì h nh phúc c a nhân dân”.

Ti n thân c a Quân i nhân dân Vi t Nam là i Vi t Nam Tuyên truy n Gi i phóng quân, i quân ch l c u tiên c thành l p ngày 22 tháng 12 n m 1944 theo ch th c a lãnh t H Chí Minh.

Khi m i thành l p, i Vi t Nam Tuyên truy n Gi i phóng quân ch có 34 cán b , chi n s nh ng ã s m phát huy c truy n th ng ch ng ngo i xâm và ngh thu t quân s l y ít ch nhi u, l y nh th ng l n c a dân t c. Ngay t l n u ra quân, i quân chính quy u tiên c a Vi t Nam ã l p nên nh ng chi n công vang d i, gi i phóng nh ng khu v c r ng l n làm c n c cho các ho t ng u tranh

giành c l p, m u truy n th ng quy t chi n quy t th ng c a Quân i nhân dân Vi t Nam sau này. Ngày 15 tháng 5 n m 1945, i Vi t Nam Tuyên truy n Gi i phóng quân sáp nh p v i l c l ng C u qu c quân và i tên thành Gi i phóng quân, tr thành l c l ng quân s ch y u c a M t tr n Vi t Minh khi ti n hành cu c T ng kh i ngh a giành chính quy n trong Cách m ng tháng Tám n m 1945.



i Vi t Nam Tuyên truy n Gi i phóng quân (Ti n thân c a Quân i nhân dân Vi t Nam) thành l p ngày 22 - 12 - 1944

Th i gian t n m 1945 n n m 1954 là th i k phát tri n v t b c c v s l ng và kh n ng chi n u c a Quân i nhân dân Vi t Nam. Ch m t th i gian ng n, t khi t n c giành c c l p n tháng 11 n m 1945, Gi i phóng quân ã phát tri n t m t i quân nh tr thành Quân i Qu c gia Vi t Nam v i quân s kho ng 50.000 ng i, t ch c thành 40 chi i. N m 1950, Quân

Quốc gia Việt Nam đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong thời gian này, các đơn vị (đơn vị trưởng) chỉ có quan trọng nhất các đơn vị



Lá cờ Quyết chiến Quyết thắng tung bay trong chiến dịch ở Biên Phủ tháng 5 năm 1954

308, 304, 312, 320, 316, 325, 351 là những thành lập, nay vẫn là những đơn vị chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong thời gian chiến đấu, khi tham gia Tổng chiến đấu, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát triển thành quân đội với các đơn vị chủ lực mạnh, lập nên những chiến công lẫy lừng mà đỉnh cao là chiến thắng ở Biên Phủ lịch sử ngày 07 tháng 05 năm 1954, kết thúc hoàn toàn chiến lược chiến tranh của thực dân Pháp.

Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt thành hai miền. Nhân dân Việt Nam đứng trước hai nhiệm vụ chiến lược là



*Xe tăng Quân Giải phóng miền Nam tiến vào
Đình Lạc Long Quân ngày 30 tháng 4 năm 1975*

xây dựng chủ nghĩa xã hội miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước. Nhiệm vụ của quân đội thời kỳ này là xây dựng chính quy, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa và tham gia đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Ngày 15 tháng 02 năm 1961, Quân Giải phóng miền Nam, lực lượng quân sự của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập trên cơ sở thống nhất lực lượng vũ trang tích và lực lượng tình nguyện miền Bắc. Trước sự can thiệp trực tiếp của quân đội Mỹ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã sát cánh cùng với nhân dân và các lực lượng vũ trang khác, tiến hành chiến tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài và gian khổ, lập nên những kỳ tích mà tiêu biểu là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1968, chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân của Mỹ miền Bắc mà đỉnh cao là chiến dịch “Điện Biên Phủ

trên không” tháng 12 năm 1972; kết thúc tháng 11 bằng chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử vào ngày 30 tháng 4 năm 1975, thành tựu vĩ đại, mở ra thời kỳ phát triển mới cho đất nước.

Sau chiến thắng lịch sử năm 1975, Quân đội nhân dân Việt Nam liên tục cùng với nhân dân cả nước tiến hành tháng 11 các cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới, giữ vững chủ quyền, thành tựu và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam và mãi kết thúc thì chiến dịch chiến tranh do Pôn-pốt cầm đầu Campuchia kích động hèn thù dân tộc, tiến hành chiến tranh xâm lấn biên giới Tây Nam của Tổ quốc. Chúng gây ra nhiều cuộc thảm sát man rợ với nhân dân Việt Nam sống dọc biên giới, ngược thì thực hiện chính sách di tản người với nhân dân Campuchia. Ngày 23 tháng 12 năm 1978 Quân đội nhân dân Việt Nam đã mở cuộc phản công chiến lược, đập tan cuộc tiến công của quân đội Pôn-pốt. Sau đó, áp dụng kế hoạch chiến tranh của nhân dân và Mặt trận dân tộc cứu nước Campuchia, Quân tình nguyện Việt Nam đã phối hợp với các lực lượng vũ trang Campuchia, đánh tan 21 sư đoàn quân Pôn-pốt, xóa bỏ chiến dịch chiến tranh tàn bạo.

Bước vào thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước, Quân đội nhân dân Việt Nam đã thực hiện hiệu chỉnh biên giới, tổ chức, cất giữ gìn hai phần ba quân số. Các thành tựu

quan, chỉ n s quân i v n k t i p nhau phát huy truy n th ng và b n ch t t t p c a “B i c H ”, luôn làm úng ch c n ng c a m t i quân chỉ n u, m t i quân công tác, m t i quân s n xu t, x ng áng v i l i khen ng i c a Ch t ch H Chí Minh: “Quân i ta trung v i ng, hi u v i dân, s n sàng chỉ n u hy sinh vì c l p, t do c a T qu c, vì ch ngh a xã h i, nhi m v nào c ng hoàn thành, khó kh n nào c ng v t qua, k thù nào c ng ánh th ng”.

Th c hi n ch c n ng là m t i quân công tác, Quân i nhân dân Vi t Nam luôn gi v ng m i quan h máu th t v i nhân dân. Là m t trong các l c l ng nông c t tham gia công tác v n ng qu n chúng, các n v quân i ã tích c c th c hi n công tác dân v n. Nhi u n v quân i ã i u trong phát tri n kinh t - xã h i các vùng sâu, vùng xa; tham gia công tác c u h và gi m nh thiên tai, phòng ch ng l t, bão. Quân i c ng tích c c tham gia xoá ói, gi m nghèo, góp ph n nâng cao i s ng v t ch t và tình th n cho các t ng l p nhân dân, ph n u n n m 2010 hoàn thành ch tiêu xoá ói gi m nghèo cho 100.000 h gia ình có hoàn c nh khó kh n.

Là m t i quân s n xu t, các n v trong toàn quân ã t n d ng m i t i m n ng lao ng, t ai, k thu t...

y m nh t ng gia s n xu t, t o ngu n s n ph m b sung t i ch , góp ph n gi n nh và c i thi n áng k i s ng b i. Các nhà máy, xí nghi p c a quân i ã s n xu t c các lo i v khí, khí tài phù h p v i yêu c u tác chỉ n

hiện tại, áp dụng các yêu cầu sản xuất chi tiết và chi tiết của quân đội. Nhiệm vụ làm kinh tế của quân đội sẽ sản xuất và kinh doanh có hiệu quả, trở thành các tổ chức kinh tế lớn của đất nước, đi đầu trong khu vực kinh tế vĩ mô quốc phòng, góp phần xứng đáng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội và công tác quốc phòng - an ninh của đất nước. Các doanh nghiệp quân đội đã tham gia nhiều dự án công trình trọng điểm của quốc gia như Nhà Máy Chí Minh, đường dây 500 KV Bắc - Nam, dự án vận chuyển khí và nhiều công trình thu hồi nhiên liệu như Sông Đà, Dây H"ling. Hiện có 98 doanh nghiệp quân đội đang tham gia hoạt động trên nhiều lĩnh vực kinh tế như vận chuyển, vận chuyển công bố, vận chuyển, công nghiệp đóng tàu... Kinh doanh xuất khẩu hàng hoá và vận chuyển của các doanh nghiệp này ngày càng phát triển.

Thế hiện chức năng cơ bản là sản xuất chi tiết và chi tiết của bộ phận, chuyên quy định, thống nhất toàn diện lãnh đạo và các quy định liên quan của đất nước, Quân đội nhân dân Việt Nam thực hiện theo hướng tinh gọn, công khai minh bạch các lợi ích, khí tài hiện tại của thị trường, thế hiện huấn luyện thống nhất xuyên suốt sản xuất hoàn thành nhiệm vụ công giao.

Hiện nay, Quân đội nhân dân Việt Nam có 1.000 công nhân trực tiếp làm việc ở các đơn vị và bộ phận của phòng và công tác quân sự khoảng 450.000 người và 1.000 công nhân dân số khoảng 5 triệu người.

Bộ chỉ huy là thành phần nòng cốt của Quân đội nhân dân Việt Nam gồm lực lượng các quân đoàn, quân chủng, binh chủng, bộ chỉ huy các quân khu và bộ chỉ huy chuyên môn kỹ thuật. Bên cạnh các nhân viên huấn luyện sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu còn có hình thức hoàn chỉnh các nhân viên bổ nhiệm, kỹ thuật; các học viên, viên nghiên cứu, các trường đào tạo sĩ quan và trường nghiệp vụ các cấp.

1.1.1. Lực lượng quân

Lực lượng quân Việt Nam không tổ chức thành bộ phận riêng mà tổ chức dựa vào, chuyển từ cấp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sẵn sàng chuyên ngành của các ngành và các quan chức ngành khác. Khi mới thành lập, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có lực lượng vũ trang là chính. Sau 65 năm xây dựng, Lực lượng quân đã từng bước phát triển về quy mô tổ chức và lực lượng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.

Lực lượng quân có 07 quân khu (1,2,3,4,5,7,9) và Bộ phận Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng gồm Pháo binh, Tổng - Thiệt giáp, Công binh, Thông tin, Hóa học, y học công; 04 quân đoàn (1,2,3,4). Các quân khu, quân đoàn, binh chủng có Tổng trưởng và các Phó Tổng trưởng, Chính ủy và Phó Chính ủy; các quan chức ngành nhiệm vụ các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các nhân viên chức vụ khác. Các quân khu tổ chức trên các hướng chiến

lực và theo địa bàn. Quân khu có các sở đoàn và trung đoàn chỉ lực trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị bố trí địa phương các thành, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu. Quân đoàn là đơn vị cơ sở lớn nhất của Lực lượng quân, bố trí bố trí các địa bàn chỉ lực trực tiếp của quốc gia, Quân đoàn có các sở đoàn và các đơn vị trực thuộc. Các binh chủng tham gia tác chiến hình thành quân binh chủng theo phân công ngành thì thi công chiến công bố m kế thu t và huấn luyện, ào tạo sự quan, nhân viên kế thu t theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chỉ lực trực thuộc, các trường sự quan và trường kế thu t theo chuyên ngành.

Lực lượng quân Việt Nam có trang bị theo hướng hiện đại, gọn nhẹ, có khả năng cơ động cao, có sức chiến kích và hoạt động mạnh, có khả năng tác chiến trong các địa điểm hiểm địa hình, thời tiết, khí hậu, phù hợp với nghệ thuật chiến tranh nhân dân hiện đại. Trải qua thử thách trong các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, Lực lượng quân đã từng bước trở thành, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và tỏ nên truyền thống vẻ vang. Tất cả các quân đoàn, huyện các binh chủng và nhiều đơn vị của Lực lượng quân đã có tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng V trang nhân dân.

1.1.2. Quân chủng Phòng không - Không quân

Quân chủng Phòng không - Không quân đảm nhiệm các nhiệm vụ của bộ phận phòng không quốc gia và của

không quân. Quân chủng là lực lượng nòng cốt quân lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng yếu quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biên giới của Tổ quốc. Lực lượng Phòng không - Không quân có thể chấp hành nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong mọi hình thức chiến tranh hợp thành. Quân chủng làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lực quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác. Lực lượng không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phôi vũ khí và sản phẩm chi viện còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

Quân chủng Phòng không - Không quân có thể chấp hành Bộ phận Quân chủng, các nhiệm vụ chiến đấu; khi bị oanh tạc; khi nhà trường và các nhiệm vụ kinh tế. Bộ phận quân chủng có Tiểu đoàn và các Phó Tiểu đoàn; Chính ủy và Phó Chính ủy, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác chính trị; kinh tế; hậu cần và các nhiệm vụ trực thuộc. Quân chủng có các sư đoàn không quân, sư đoàn phòng không và mặt sự nghiệp không quân trực thuộc là các nhiệm vụ chiến đấu chủ yếu. Quân chủng Phòng không - Không quân trang bị các loại máy bay, tên lửa, pháo phòng không và các phương tiện kỹ thuật hiện đại khác trong đó có máy bay tiêm kích tấn công, tên lửa phòng không tầm xa, radar tầm xa... Quân chủng đã hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện, sản phẩm chi viện đồng thời quân

lý vùng tr i c a T qu c và tham gia tìm ki m c u n n, gi m nh thiên tai.

Trong cu c chi n tranh gi i phóng, l c l ãng phòng không - không quân ã hoàn thành xu t s c các nhi m v c giao, ánh th ng hai cu c chi n tranh phá ho i c a không quân và h i quân M ra mi n B c, b o v giao thông v n t i chi vi n cho mi n Nam, góp ph n x ng áng vào nhi m v b o v mi n B c và gi i phóng mi n Nam, th ng nh t t n c. Do nh ng thành tích trong chi n u và th c hi n các nhi m v khác, c l c l ãng không quân và phòng không u c Nhà n c Vi t Nam phong t ng danh hi u Anh hùng L c l ãng V trang nhân dân.

1.1.3. Quân ch ng H i quân

Quân ch ng H i quân là l c l ãng nòng c t b o v ch quy n qu c gia c a Vi t Nam trên bi n. H i quân nhân dân Vi t Nam có nhi m v qu n lý và ki m soát ch t ch các vùng bi n, h i o thu c ch quy n c a Vi t Nam trên Bi n ông; gi gìn an ninh, ch ng l i m i hành vi vi ph m ch quy n, quy n ch quy n, quy n tài phán và l i ích qu c gia c a Vi t Nam trên bi n; b o v các ho t ãng bình th ng c a Vi t Nam trên các vùng bi n o, theo quy nh c a lu t pháp qu c t và pháp lu t Vi t Nam; b o m an toàn hàng h i và tham gia tìm ki m c u n n theo pháp lu t Vi t Nam và các i u c qu c t mà Vi t Nam tham gia, s n sàng hi p ãng chi n u v i các l c l ãng

khác nhau ảnh hưởng tích cực đến công tác trên địa bàn.

Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính ủy và Phó Chính ủy, các cơ quan chức năng các mặt công tác quân sự; công tác chính trị, kinh tế, văn hóa. Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1,2,3,4,5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, pháo-tên lửa bí mật; hải quân đánh bộ; lực lượng công hải quân và các đơn vị phòng thủ. Hải quân nhân dân Việt Nam đã thực hiện công tác huấn luyện và phòng thủ làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn. Trong tương lai, Hải quân nhân dân Việt Nam thực hiện công tác trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu có khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.

Hải quân nhân dân Việt Nam có truyền thống rết vang, lập công lớn trong chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ. Nhiệm vụ là thành tích chiến đấu phong to lớn trên biển và các nhiệm vụ giao thông chiến đấu của Hải quân Chí Minh lịch sử. Quân chủng Hải quân của Nhà nước Việt Nam phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

1.1.4. B i Biên phòng

B i biên phòng là m t thành ph n c a Quân i nhân dân Vi t Nam, có v trí nh m t quân ch ng th c hi n ch c n ng qu n lý b o v ch quy n, toàn v n lãnh th , an ninh, tr t t biên gi i qu c gia trên t li n, trên bi n và các c a kh u theo quy nh c a pháp lu t và là l c l ng trong các khu v c phòng th t nh, huy n biên gi i. B i Biên phòng có nhi m v ch trì ph i h p v i các ngành, l c l ng h u quan trên a bàn và chính quy n a ph ng trong qu n lý, b o v ng biên qu c gia, m c gi i; duy trì th c hi n các hi p nh, quy ch biên gi i và pháp lu t v biên gi i; phát hi n và u tranh v i các ho t ng vi ph m và ch ng phá c a các lo i t i ph m, gi v ng ch quy n, an ninh, tr t t khu v c bi ên gi i; th c hi n nhi m v i ngo i biên phòng, quan h v i các c quan h u quan các n c láng gi ng gi i quy t các v n v quan h biên gi i nh m xây d ng biên gi i hoà bình, h u ngh , góp ph n t o môi tr ng n nh, phát tri n và ph c v c l c cho ch tr ng m r ng h p tác qu c t .

B i Biên phòng c t ch c, ch huy th ng nh t t B T l nh n các n v c s g m có B T l nh B i Biên phòng, B Ch huy B i Biên phòng các t nh (thành ph), H i oàn Biên phòng và các n biên phòng, h i i biên phòng. B T l nh B i Biên phòng có T l nh và các Phó T l nh, Chính u và Phó Chính u , các c quan m nhi m các m t công tác quân s ; công tác ng ,

công tác chính trị; kỹ thuật; học vấn, Các Phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc. Bộ chỉ huy biên phòng được xây dựng ngày càng vững mạnh, ghi nhiều thành tích trong biên phòng, dân vận, nắm vững pháp luật của Việt Nam cũng như pháp luật và các thông lệ quốc tế, các trang bị các phương tiện nghiên cứu biên phòng cùng với khí chí ngày càng hiện đại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Được thành lập ngày 03 tháng 3 năm 1959, sau 50 năm xây dựng, trưởng thành và không ngừng phát triển, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ biên phòng đã lập nên nhiều chiến công và thành tích vẻ vang. Toàn thể lực lượng Bộ chỉ huy biên phòng đã được tặng huân chương Sao Vàng và hai lần được tuyên dương Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân.

1.1.5. Bộ chỉ huy biên phòng

Bộ chỉ huy biên phòng là lực lượng công tác chiến chủ yếu trên địa bàn biên phòng, cùng với dân quân tự vệ làm nòng cốt của chiến tranh nhân dân tại biên phòng, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố) trực thuộc trung ương và Ban chỉ huy quân sự huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh). Bộ chỉ huy biên phòng gắn bó chặt chẽ với khu vực phòng thủ, hoạt động chiến đấu trong chiến trường phòng thủ chung của quân khu và các đơn vị, phù hợp với yêu cầu và đặc điểm từng khu vực trong chiến tranh nhân dân tại biên phòng kết hợp với chiến tranh nhân dân các đơn vị.

Biên chế và tổ chức biên phòng tu thuộc quy mô và tầm quan trọng của các tỉnh (thành phố trực thuộc trung ương), huyện (quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh). Tuân theo qui mô tổ chức, vị trí địa hình, hoàn cảnh kinh tế - xã hội của từng địa phương, các nhiệm vụ biên phòng đặc biệt và khí hậu, địa hình, địa điểm phù hợp với yêu cầu chiến lược. Biên phòng có các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật, các nhiệm vụ phòng không, pháo binh, trinh sát, công công, công binh và các nhiệm vụ bổ sung khác.

Ngày nay, với chức năng chủ yếu, huấn luyện cho các nhiệm vụ biên phòng đặc biệt hành động xuyên biên giới nhằm nâng cao ý thức cảnh giác, sẵn sàng phối hợp, hiệp đồng với lực lượng dân quân tự vệ trong chiến đấu, bảo vệ nhân dân và chính quyền địa phương. Lực lượng biên phòng còn kết hợp chặt chẽ với lực lượng dân quân tự vệ giữ gìn trật tự an ninh trong địa bàn, giúp huấn luyện dân quân tự vệ và góp phần hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ.

1.1.6. Lực lượng dân quân tự vệ

Lực lượng dân quân tự vệ là một thành phần của Quân đội nhân dân Việt Nam, tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ, sẵn sàng tham gia lực lượng chiến đấu khi có yêu cầu. Lực lượng dân quân tự vệ bao gồm quân nhân dân địa phương và phần tử kỹ thuật của nền kinh tế quốc dân, đã có kinh nghiệm và sự

x p trong k ho ch s n sàng b sung cho l c l ng th ng tr c c a quân i. L c l ng d b ng viên c t ch c theo biên ch th ng nh t c a quân i v i thành ph n t ng ng v i l c l ng th ng tr c c a các quân ch ng, binh ch ng thu c l c l ng b i ch l c và b i a ph ng.

Hàng n m, Chính ph giao ch tiêu hu n luy n, di n t p, ki m tra s n sàng ng viên cho các b , ngành và a ph ng. B Qu c phòng h ng d n, ch o ki m tra ôn c các a ph ng, n v trong vi c xây d ng và huy ng l c l ng d b ng viên theo úng quy nh c a pháp lu t; tr c ti p ch o vi c s p x p hu n luy n các n v d b ng viên. Các B , ngành, U ban nhân dân c p t nh ph i h p v i các n v thu c l c l ng th ng tr c c a Quân i, t ch c s p x p quân nhân d b và ph ng ti n k thu t vào n v d b theo ch tiêu ng viên c Chính ph giao.

Quân nhân d b c t o ngu n t quân nhân h t h n ph c v t i ng ho c ào t o t các ngành dân s theo quy nh c a pháp lu t. Hàng n m các n v d b ng viên c t p trung ki m tra s n sàng ng viên, hu n luy n, di n t p theo ch ng trình hu n luy n th ng nh t. Quân nhân d b c b nhi m gi ch c v ch huy n v d b ng viên và c h ng ph c p theo quy nh.

n nay, l c l ng d b ng viên ã tr thành l c l ng quan tr ng góp ph n xây d ng n n qu c phòng toàn

dân, công tác xã hội nhằm cao nhất tranh nhân dân
áp dụng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam
trong tình hình mới.

1.1.7. Các học viện, nhà trường và viện nghiên cứu chính yếu

Quân đội nhân dân Việt Nam có hệ thống học viện và
nhà trường hoàn chỉnh, áp dụng các yêu cầu ào tạo
quan, học sinh, nhân viên kỹ thuật mới cho quân
đội, ào tạo cao học và nghiên cứu sinh tiến sĩ quân sự, ào
tạo kỹ sư, nhân viên kỹ thuật phục vụ dân sự, ngành thì là
những cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật nói chung và
khoa học, kỹ thuật quân sự nói riêng. Hiện nay, Việt Nam
có 21 học viện, trường đại học và 1 trường cao đẳng quân sự
ào tạo quan cho tất cả các ngành, cơ quan, đơn vị thuộc
Bộ Quốc phòng. Về mặt tổ chức, có 6 Học viện lớn và 3
trường sĩ quan trực thuộc Bộ Quốc phòng. Các học viện,
nhà trường còn lại thuộc quy định quản lý của các ngành, cơ
quan, binh chủng. Các học viện và trường đại học
quân sự được phân cấp theo chức trách, nhiệm vụ ào tạo
quan. Học viện Quốc phòng là cơ sở duy nhất ào tạo
quan cấp chính trị. Các học viện còn lại ào tạo quan
cấp chính trị, chính thuật. Các trường sĩ quan ào tạo
quan chuyên nghiệp.

Học viện Quốc phòng là học viện lớn nhất của Nhà nước,
Chính phủ giao cho Bộ Quốc phòng trực tiếp quản lý. Học
viện là trung tâm ào tạo, bồi dưỡng cán bộ cao cấp của

ng và Nhà n c g m: ào t o s quan c p chi n d ch, chi n l c cho quân i; b i d ng ki n th c qu c phòng cho cán b ch ch t c a các b , ban ngành, oàn th trung ng và a ph ng; ào t o cao h c và nghiên c u sinh quân s ; h p tác qu c t v ào t o, b i d ng cán b quân s , dân s v qu c phòng v i m t s n c.

B Qu c phòng còn tr c ti p qu n lý hai h c vi n ào t o s quan chính tr , quân s trung, cao c p là H c vi n Chính tr và H c vi n L c quân. H c vi n Chính tr có nhi m v ào t o s quan chính tr có trình trung, cao c p v chính tr , là h c vi n c B Qu c phòng giao qu n lý Vi n khoa h c xã h i và Nhân v n quân s . H c vi n L c quân tr c thu c B Qu c phòng là h c vi n quân s , ào t o s quan ch huy tham m u c p trung oàn, s oàn l c quân.

Tr c thu c B Qu c phòng còn có các vi n nghiên c u v khoa h c - ngh thu t - k thu t quân s nh Vi n Chi n l c Quân s , Vi n Khoa h c và Công ngh quân s , Vi n L ch s Quân s , Vi n Quan h qu c t v Qu c phòng...

Vi n Chi n l c Quân s có ch c n ng t v n cho lãnh o B Qu c phòng Vi t Nam nh ng v n liên quan n ng l i, chính sách qu c phòng và xây d ng l c l ng v trang; nghiên c u, phân tích, d báo các nguy c i v i an ninh - qu c phòng c a Vi t Nam; các v n t t ng, ng l i, h c thuy t quân s ; ngh thu t quân s , ph ng th c ti n hành chi n tranh; các v n kinh t - qu c phòng, xu t ph ng h ng t ch c, xây d ng các l c l ng v

trang, h th ng lãnh o, ch huy và các bi n pháp b o v T qu c.

Vi n Khoa h c và Công ngh quân s là c quan nghiên c u khoa h c k thu t quân s ; nghiên c u phát tri n các trang thi t b v khí c a quân i áp ng các yêu c u c a chi n tranh hi n i ng th i nghiên c u khoa h c k thu t, công ngh ph c v dân sinh.

Vi n L ch s Quân s là c quan nghiên c u l ch s u ngành c a quân i, có nhi m v nghiên c u l ch s quân s Vi t Nam và th gi i nh m rút ra nh ng bài h c kinh nghi m ph c v nhi m v xây d ng và b o v T qu c hi n nay c ng nh trong t ng lai.

Vi n Quan h qu c t v Qu c phòng là c quan nghiên c u các v n quan h qu c phòng c a các n c ng th i là c quan có nhi m v tham m u và t ch c các ho t ng i ngo i qu c phòng a ph ng c a B Qu c phòng.

1.1.8. Các n v Kinh t - Qu c phòng ch y u

Các n v kinh t c a quân i là l c l ng i u trong k t h p kinh t v i qu c phòng. Các công ty, xí nghi p trong ó có nhi u t ng công ty l n, các oàn Kinh t - Qu c phòng c a quân i ã góp ph n áng k vào s nghi p công nghi p hoá, hi n i hoá t n c ng th i có m t nh ng khu v c khó kh n nh t phát tri n kinh t -

xã hội là phòng, tổ chức trên quy mô phòng và ngành để
các địa phương thực hiện các nhiệm vụ của Tổ chức.

Quận có hơn 20 đơn vị Kinh tế - Xã hội phòng và
phát triển kinh tế - xã hội vùng sâu, vùng xa, góp phần
cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của
nhân dân, bảo đảm quốc phòng an ninh biên giới, hải
o. Các đơn vị Kinh tế - Xã hội phòng tham gia bố trí lực
lượng theo quy hoạch sản xuất và mục tiêu lâu dài của
quốc phòng - an ninh, hình thành các cụm làng xã tại các
khu vực biên giới trong tổ chức phòng toàn dân bảo
vệ Tổ quốc. Nhiệm vụ của các đơn vị Kinh tế - Xã hội phòng
là xây dựng cơ sở hạ tầng thị trường: đường, điện, thủy
lợi, nước sạch, trường học, trạm xá, chợ...; thực hiện các
biện pháp khuyến khích sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp,
tổ chức và khuyến khích phát triển kinh tế hàng hóa; thực
hiện xóa đói giảm nghèo các khu vực phân công.

Hiện có nhiều khu vực sản xuất lớn mà nhân dân không
khả năng tự sản xuất hàng hóa (như Tây Nguyên,
Tây Nam Bộ, Tây Bắc) quân đội trực tiếp tổ chức sản xuất
thu hút người dân tộc và nhân dân nơi khác đến lập
nghiệp và tham gia vào tổ chức kinh tế của Nhà nước.

Mục tiêu và nâng cao đời sống vật chất của nhân dân,
các đơn vị Kinh tế - Xã hội phòng cũng góp phần đáng kể
cải thiện đời sống văn hóa tinh thần các vùng đất xa xôi của
Tổ quốc. Các đơn vị Kinh tế - Xã hội phòng đã vận động nhân
dân thực hiện công lợi, chiến trường, chính sách của Đảng
và Nhà nước, phát triển hình thức phát thanh truyền hình,

v n hoá, y t các thôn b n; m tr ng h c cho con em ng bào các dân t c, tham gia ch ng trình ph c p ti u h c và xoá mù ch ; nâng cao i u ki n ch m sóc y t , ch a b nh cho nhân dân; b o t n và phát tri n v n hoá truy n th ng c a các dân t c thi u s . Các oàn Kinh t - Qu c phòng c ng ã góp ph n b i d ng, ào t o i ng cán b cho a ph ng, t o i u ki n kinh t - xã h i trên a bàn phát tri n v ng ch c.

T khi c thành l p n nay, các oàn Kinh t - Qu c phòng ã th c hi n di dân, xây d ng hàng tr m c m b n, làng m i; u, t ch c nh canh, nh c cho hàng ch c nghìn h dân, t o vi c làm cho lao ng là ng bào dân t c thi u s . Các oàn Kinh t - Qu c phòng ã giúp dân khai hoang, c i t o ng ru ng tr ng lúa n c, góp ph n thay i t p quán canh tác, n p s ng sinh ho t l c h u, xây d ng, c ng c c th tr n qu c phòng - an ninh trên các a bàn tr ng i m.

1.2. Dân quân t v

Dân quân t v là l c l ng v trang qu n chúng không thoát ly s n xu t, công tác, là m t thành ph n c a L c l ng V trang nhân dân n c C ng hoà Xã h i ch ngh a Vi t Nam, t d i s lãnh o c a ng C ng s n Vi t Nam, s qu n lý i u hành c a Chính ph và c a u ban nhân dân các c p, s ch o, ch huy th ng nh t c a B tr ng B Qu c phòng và s ch o, ch huy tr c ti p c a c quan quân s a ph ng, có trách nhi m b o v chính

quy n, b o v tính m ng, tài s n c a nhân dân, tài s n c a Nhà n c c p xã, c quan, t ch c.

Trong th i bình, Dân quân t v là l c l ng nông c t có nhi m v v a lao ng s n xu t, v a óng vai trò xung kích trong b o v s n xu t, phòng ch ng, kh c ph c h u qu thiên tai, ch ho và các s c nghiêm tr ng khác, ng th i ph i h p v i l c l ng an ninh c s gi gìn an ninh chính tr , tr t t an toàn xã h i a ph ng, c s ; tham gia xây d ng c s v ng m nh toàn di n góp ph n xây d ng khu v c phòng th a ph ng ngày càng v ng ch c. biên gi i, bi n, o, Dân quân t v ph i h p v i B i Biên phòng gi v ng ch quy n, toàn v n lãnh th và an ninh biên gi i c a T qu c. Trong th i chi n, Dân quân t v là l c l ng chi n l c c a chi n tranh nhân dân, làm nông c t cho phong trào toàn dân ánh gi c, tham gia chi n u, ph c v chi n u, ph i h p v i các l c l ng khác b o v a ph ng, n v theo k ho ch tác chi n c a khu v c phòng th . Dân quân t v có trách nhi m th c hi n phòng th dân s trong th i bình và th i chi n theo qui nh c a pháp lu t.

L c l ng Dân quân c t ch c xã, ph ng, th tr n (g i chung là c p xã). L c l ng T v c t ch c các t ch c chính tr , chính tr - xã h i, c quan nhà n c, n v s nghi p, t ch c kinh t (g i chung là c quan, t ch c). Dân quân t v có l c l ng nông c t và l c l ng r ng rãi. L c l ng nông c t g m dân quân t v b binh, phòng không, pháo binh, công binh, trinh sát, thông tin, phòng hoá, y t , Dân quân t v bi n; Dân quân t v c

ng, t i ch và th ng tr c c t ch c thành các trung
i, i i ho c ti u oàn, c trang b v khí thích h p.
Dân quân t v c giáo d c chính tr , hu n luy n quân s
theo ch ng trình do B Qu c phòng quy nh. B tr ng
B Qu c phòng và ch huy c quan quân s các c p ch huy
l c l ng Dân quân t v theo quy nh c a Lu t Qu c
phòng. Ho t ng c a Dân quân t v theo k ho ch c a
ng i ch huy quân s c p xã và ban ch huy quân s c
quan, t ch c, d i s lãnh o, ch o tr c ti p c a c p
u , chính quy n c s .

Ngày 28 tháng 3 n m 1935, i h i ng toàn qu c
l n th nh t ra “Ngh quy t v i t v ” c coi là ngày
thành l p Dân quân t v Vi t Nam. Trong 74 n m qua, l ch
s phát tri n c a Dân quân t v ã g n li n v i s nghi p
giành c l p, xây d ng và b o v T qu c. T n m 1935
n n m 1945, các i t v c nông thôn và thành th ra
i, làm nông c t cho qu n chúng th c hi n v trang kh i
ngh a, ti n hành chi n tranh du kích, xây d ng và m r ng
các c n c a. Tháng 8 n m 1945, l c l ng Dân quân t
v ã cùng toàn dân th c hi n th ng l i cu c T ng kh i
ngh a giành c l p. Sau ngày 02 tháng 9 n m 1945, Dân
quân t v tr thành l c l ng v trang c a Nhà n c Vi t
Nam c l p, m t trong ba th quân c a l c l ng v trang
nhân dân, c t ch c r ng kh p các làng xã, ng ph
trong c n c, th c s là công c b o v chính quy n cách
m ng non tr , b o v thành qu cách m ng.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, lực lượng Dân quân tự vệ phát triển rộng khắp trong các đơn vị, cũng như các thành phố, thị trấn, do các xã, huyện, thị trấn, thị xã, thị trấn và thị trấn trực tiếp các cấp ủy Đảng các cấp. Mặc dù chỉ có trang bị vũ khí thô sơ, tự tạo, nhưng lực lượng Dân quân tự vệ vẫn cùng nhân dân xây dựng làng xã chiến đấu, kiên cường bám trụ, bám dân, tiêu hao quân địch, phá t, trợ gian; tích cực phối hợp với bộ đội chính quy chiến đấu, bao vây. Dân quân tự vệ đã bắt hàng, bắt rút nhiều quân địch, mở rộng các khu căn cứ du kích; thực hiện kiểm soát, công tác kéo lực lượng địch, bước đầu phân tán địch, tổ chức vũ khí và góp phần cùng bộ đội chính quy hành động diệt nhiều địch, giành thắng lợi quyết định trong chiến đấu ở Biên Hòa.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, lực lượng Dân quân tự vệ miền Bắc có trên 700 phân đội, trang bị nhiều loại vũ khí tự tạo, hình thành mạng lưới máy bay chiến đấu, đã bắt nhiều máy bay địch. Dân quân tự vệ đã bắn rơi 10% tổng số máy bay Mỹ bắn rơi trên miền Bắc, bắt sống nhiều phi công Mỹ, tiêu diệt hàng chục toán biệt kích, bắt chìm và bắt cháy nhiều tàu chiến địch. Lực lượng Dân quân tự vệ còn làm tốt công tác phòng không nhân dân các xã, xây dựng nhiều công trình phòng tránh, kho phân phối lương thực, tiến hành rải bom mìn, thủy lôi, chiến đấu

phong to b ng ng bi n... ã có 183 tri u l t ng i c huy ng tham gia m b o giao thông, ph c v chi n u, phòng tránh s tán kh c ph c h u qu do ch gây ra, chi vi n s c ng i s c c a có hi u qu cho chi n tr ng mi n Nam.

L c l ng dân quân du kích mi n Nam ã anh d ng ánh ch b ng m i th v khí, v n d ng các hình th c tác chi n phong phú, sáng t o trên kh p 3 vùng chi n l c; k t h p ch t ch u tranh chính tr v i u tranh v trang, th c hi n bám tr kiên c ng, t o th xen k , cài r ng l c v i ch. ây là cách ánh c áo, sáng t o c a chi n tranh du kích Vi t Nam bu c ch ph i phân tán l c l ng i phó. Trong cu c t ng ti n công mùa xuân 1975, l c l ng Dân quân t v cùng b i ch l c và toàn dân mi n Nam ti n công và n i d y ng lo t, gi i phóng hoàn toàn mi n Nam, th ng nh t t n c.

Sau th ng l i mùa xuân n m 1975, l c l ng Dân quân t v ã làm nòng c t cho nhân dân c s kh c ph c h u qu chi n tranh, tích c c rà phá bóc g bom mìn ch, gi i phóng hàng tri u ha t canh tác khôi ph c s n xu t. L c l ng Dân quân t v ã c huy ng tham gia xây d ng tuy n phòng th biên gi i; tr c ti p chi n u, ph i h p và ph c v b i chi n u góp ph n quan tr ng vào th ng l i c a các cu c chi n tranh biên gi i.

Ngày nay, l c l ng Dân quân t v c phát tri n c v ch t l ng, s l ng, biên ch trang b . T ch c, biên ch

ting g n h n nh ng ch t l ng t ng h p c a Dân quân t v c nâng cao, áp ng các yêu c u nhi m v m i.

Tr i qua 74 n m xây d ng, chi n u và tr ng thành, các th h cán b , chi n s Dân quân t v ã h t lòng trung thành v i T qu c, v i nhân dân, v i s nghi p cách m ng c a ng, chi n u kiên c ng, m u trí, d ng c m; lao ng, h c t p, công tác hi u qu , sáng t o và ã l p nhi u chi n công to l n; có 366 t p th và 275 cá nhân thu c l c l ng Dân quân t v ã c Nhà n c phong t ng danh hi u Anh hùng L c l ng V trang nhân dân. Dân quân t v Vi t Nam x ng áng v i l i khen ng i c a H ch t ch: “Dân quân t v và du kích là l c l ng c a toàn dân t c, là m t l c l ng vô ch, là b c t ng s t c a T qu c, vô lu n k ch hung b o th nào h ng vào l c l ng ó, b c t ng ó, thì ch nào c ng ph i tan rã”.

2. PH NG H NG XÂY D NG QUÂN I NHÂN DÂN VÀ DÂN QUÂN T V

2.1. Xây d ng Quân i nhân dân

Vi t Nam ch tr ng duy trì Quân i nhân dân m nh, quân s h p lý, hu n luy n t ch t l ng cao, s n sàng áp ng m i yêu c u b o v T qu c.

2.1.1. Xây d ng v chính tr - tinh th n

Xây d ng quân i v ng m nh v chính tr - tinh th n là nguyên t c trong xây d ng quân i, là c s nâng

cao ch t l ng t ng h p và s c m nh chi n u c a Quân
i nhân dân, th hi n quan i m coi y u t con ng i là
quy t nh th ng, b i trên chi n tr ng. Xây d ng v chính
tr - tinh th n nh m t ng c ng s lãnh o c a ng, hi u
l c qu n lý Nhà n c, gi v ng b n ch t giai c p, tính dân
t c, tính nhân dân c a quân i. S c m nh chi n u v
chính tr - t t ng c a l c l ng v trang Vi t Nam còn
c th hi n ý chí ph n u v n lên làm ch khoa h c
- k thu t quân s hi n i, th hi n tinh th n dám ánh v à
bi t th ng.

Vi t Nam ch tr ng t ng c ng công tác giáo d c
chính tr b o m cho quân i phát huy c truy n th ng
yêu n c, oàn k t ánh gi c gi n c c a cha ông và
truy n th ng quy t chi n, quy t th ng c a Quân i nhân
dân Vi t Nam. Cán b , chi n s Quân i ph i c giáo
d c, rèn luy n có b n l nh chính tr v ng vàng tr c m i
nhi m v c giao, trong m i i u ki n, hoàn c nh nh t là
tr c các lu n i u phá ho i t t ng c a k ch và các tác
ng tiêu c c c a xã h i; tuy t i trung thành v i T qu c,
v i ch , th m nhu n o c cách m ng, g n bó ch t ch
v i nhân dân, s n sàng chi n u hy sinh vì c l p, t do
c a T qu c, vì l i ích qu c gia, góp ph n gi gìn hoà bình
khu v c và th gi i. T ch c ng, t ch c ch huy, h
th ng c quan chính tr và các t ch c qu n chúng trong
quân i c xây d ng v ng m nh toàn di n.

Vi t Nam ch ng l i m i m u toan “phi chính tr hoá”
Quân i nhân dân và L c l ng V trang nhân dân c a các

thực tiễn chiến đấu cách mạng Việt Nam trong nhân dân
khối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2.1.2. Tổ chức, biên chế và xây dựng ngu n nhân lực

Trong thời bình, Việt Nam chủ trương tập trung
quân sự, xây dựng lực lượng dự bị động viên
phù hợp đáp ứng các yêu cầu khi có tình huống khẩn cấp
hoặc chiến tranh. Lực lượng thường trực của quân đội
gồm có học sinh, sinh viên, công nhân, nông dân, thanh
niên giảm sức khỏe, tàn tật, chuyển giao mặt sản xuất
cho bộ đội, công nhân, tổ chức dân sự, các lực lượng
biên chế lực lượng vũ trang theo hướng ưu tiên cho các
vùng chiến đấu, các vùng biên giới, thành phố trọng
trọng, các quân chủng, binh chủng kỹ thuật là những
hạng cần ưu tiên và biên chế lực lượng vũ trang nói
chung và quân đội nói riêng.

Chiến lược Hồ Chí Minh đánh giá rất cao vai trò của
người cán bộ, Người nói: “*Cán bộ là cái gốc của mọi công
việc*”; do vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên
môn kỹ thuật và đào tạo ngu n nhân lực chất lượng cao
cho lực lượng vũ trang nhân dân là công tác trọng tâm, có
ý nghĩa chiến lược. Mục tiêu giáo dục đội ngũ cán bộ
chuyên môn kỹ thuật của Quân đội nhân dân là đáp ứng
các yêu cầu xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính
quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Sĩ quan và cán bộ
chuyên môn kỹ thuật của quân đội phải có bản lĩnh chính
trị và ý chí chiến đấu cao, có năng lực chuyên môn và tác

chiến trong đội ngũ kỹ thuật chiến tranh công nghệ cao. Họ phải là những con người có giáo dục và rèn luyện toàn diện về văn chính trị, tư tưởng, đạo đức, tác phong, năng lực và trình độ học vấn. Họ thường là các sĩ quan, nhà trưởng của Quân đội có nhiệm vụ đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật các chuyên ngành khoa học - kỹ thuật quân sự phải có trình độ chuyên môn chuyên sâu, mối liên kết với nhau và với các cơ sở đào tạo của các bộ, ngành khác nâng cao hiểu biết về đào tạo, tổ chức nhân tài đi đầu về đào tạo chuyên ngành theo yêu cầu của lực lượng vũ trang. Mặt khác, các sĩ quan, nhà trưởng trong quân đội phải chú trọng bồi dưỡng kiến thức cần thiết về các môn chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, pháp luật, kỹ thuật, công nghệ, quản lý... cho sĩ quan, cán bộ chuyên môn kỹ thuật hàng đầu hàng đầu hoà nhập vào đội ngũ dân sự khi không còn phục vụ trực tiếp. Nhà nước thực hiện các chính sách đúng đắn về đào tạo có tác dụng khuyến khích, thu hút nhiều thanh niên ưu tú vào các trường đào tạo sĩ quan, cán bộ chuyên môn kỹ thuật, tổ chức bồi dưỡng nhân tài cho lực lượng vũ trang.

2.1.3. Huấn luyện

Trong thời bình, đội ngũ xây dựng và phát triển chính trị - tinh thần, huấn luyện quân sự là công việc rất quan trọng của công sự chính trị và khuyến khích nâng cao trình độ của lực lượng vũ trang. Quân đội nhân dân Việt Nam coi trọng huấn luyện kỹ năng chiến đấu cá nhân, tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng, phát huy tính năng, hiệu quả của các loại vũ

khí, trang bị hiện có bằng nghề thu t quân sự Việt Nam, nâng thi coi trọng vị trí nâng cao kỹ thuật về công nghệ quân sự hiện đại; hiện đại hóa, nâng trình độ và phương pháp huấn luyện cho phù hợp với qui mô tổ chức, trang bị và hiện đại kỹ thuật tác chiến quân, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới.

Hiện đại hóa toàn diện công tác huấn luyện. Thực hiện tốt phương pháp huấn luyện: "cần, thiết thực, vững chắc", coi trọng huấn luyện ngắn gọn và chuyên sâu, sát thực tiễn, sát yêu cầu, nhiệm vụ, bám sát hoạt động tác chiến thực tế, nâng cao trình độ; phù hợp với tổ chức biên chế, trang bị và nghề thu t quân sự Việt Nam. Trong huấn luyện phải coi trọng huấn luyện, đi đôi với phòng thủ các cấp; đi đôi với tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ, phòng chống và khắc phục hậu quả thiên tai; chống khủng bố ..., bảo đảm cho các nhiệm vụ xử lý tất cả tình huống, hoàn thành tốt nhiệm vụ công giao.

nâng cao chất lượng trình độ, trình độ chính trị và trình độ sẵn sàng chiến đấu của quân đội, các hiện đại hóa, nâng trình độ, phương pháp giáo dục, huấn luyện, ào tạo tiếp tục hiện đại hóa, phù hợp với hiện đại kỹ thuật chiến đấu hiện đại. Chú trọng ào tạo liên thông, liên kết trong nước và hợp tác quốc tế. Coi trọng công tác ào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chỉ huy toàn diện, nhân tài quân sự và nhân viên chuyên môn kỹ thuật giỏi. Huấn luyện sát với yêu cầu chiến đấu, kết hợp cách đánh mới với cách đánh truyền thống, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước, kết hợp cách đánh du kích với cách đánh chính quy...

2.1.4. V khí, trang b k thu t, h u c n

V khí, trang b k thu t có vai trò r t quan tr ng trong chi n tranh hi n i. Là m t qu c gia ang phát tri n, trình khoa h c, công ngh còn th p song Nhà n c Vi t Nam chú tr ng b o m cho quân i nh ng lo i v khí, trang b k thu t c n thi t b o v t n c. b o m v khí, trang b k thu t cho l c l ng v trang, ngoài gi gìn, b o qu n t t, c i ti n có ch n l c nh ng v khí, trang b hi n có, Vi t Nam u t thích áng t s n xu t m t s ph ng ti n, v khí phù h p v i kh n ng công ngh c a mình ng th i mua s m m t s v khí, trang b k thu t hi n i áp ng các yêu c u t ng c ng s c m nh chi n u cho các l c l ng v trang nhân dân.

Công nghi p qu c phòng Vi t Nam là b ph n c u thành c a n n công nghi p qu c dân, c phát tri n theo h ng t l c là chính, ng th i h p tác v i công nghi p qu c phòng các n c bè b n ti p thu công ngh tiên ti n nh m nâng cao trình khoa h c - công ngh . nghiên c u, phát tri n, ng d ng công ngh quân s và s n xu t c a các c s công nghi p qu c phòng Vi t Nam ngày càng áp ng t t h n yêu c u s a ch a, c i ti n, s n xu t v khí, trang b k thu t cho l c l ng v trang, công nghi p qu c phòng phát tri n đ a trên s liên k t ch t ch v i các ngành công nghi p khác, huy ng ti m l c c a t t c thành ph n kinh t trong m t chi n l c th ng nh t.

Trang b h u c n có vai trò tr ng y u trong tác chi n. Vi c phát tri n trang b h u c n c ti n hành theo h ng

ngiên cứu, c i t i n n a n g c a o c h t l o n g c a c m t h a n g p h c v b i c h i n u t r o n g i u k i n c h i n t r a n h c o n g n g h c a o . T r a n g b h u c n c u t t h i c h a n g m u a s m , s n x u t , n g i e n c u c h t o a p n g n h u c u t h n g x u y e n c a Q u a n i v a c a c t i n h h u n g c h i n t r a n h . C o n g t a c n g i e n c u k h o a h c c o n g n g h p h c v s n x u t t r a n g b h u c n c y m n h n g t h i v i v i c t n g c n g b o q u n , q u n l y , s d n g h p l y v a p h a t h u y h i u q u c a c l o i t r a n g b h u c n h i n c o .

2.1.5. X a y d n g , p h a t t r i n n n k h o a h c q u a n s

C a c c u c k h i n g h a v t r a n g , c h i n t r a n h g i i p h o n g , c h i n t r a n h g i n c t r o n g l c h s l a u d a i c a d a n t c V i t N a m a l i n h i u k i n h n g h i m , n h i u b a i h c c x a y d n g t h a n h l y l u n q u a n s c a o c a V i t N a m . C a c b a i h c v a k i n h n g h i m o a c u c k t t h a n h h t h n g t r i t h c n h m t i m r a s c m n h g i n c . M t t r o n g n h n g c s t o n e n n g u n s c m n h o l a t i n h t h n c k t d a n t c c a V i t N a m . T i n h t h n o c b i u h i n y l o n g y e u n c , t i n h t h n c l p , t c h , t l c , t c n g n h l i C h t c h H C h i M i n h : “ e m s c t a m a g i i p h o n g c h o t a ” . K h o a h c q u a n s V i t N a m l u o n n h n m n h b a i h c t o l n v a s a u s c o . N h v y , n h n g k h n n g c a t o a n d a n , c a c d a n t c a c k h a i t h a c v a p h a t h u y n m c t i a q u a h a n g n h i n n m l c h s x a y d n g v a b o v t n c V i t N a m .

Ng a y n a y , t r o n g i u k i n , h o a n c n h m i , k h o a h c q u a n s V i t N a m c b s u n g l y l u n v x a y d n g l c

lĩnh vực trang nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân trong thời bình. Khoa học quân sự Việt Nam cũng xây dựng từ các thiết bị và lý luận quân sự Việt Nam, nâng cao trình độ kỹ thuật của khoa học quân sự thông tin và áp dụng phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Việt Nam, cũng biết là những vấn đề liên quan đến những nhân tố mới do tác động của các cách mạng khoa học - công nghệ trong lĩnh vực quân sự.

Đổi mới và phát triển khoa học quân sự, ngành kỹ thuật quân sự cũng đang phát huy truyền thống “chăm ngoan, sáng tạo, tiết kiệm, tiết kiệm” trong nghiên cứu - phát triển và ứng dụng công nghệ mới, cũng biết là công nghệ thông tin, trong huấn luyện và ào tạo cán bộ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện đại phát triển của khí công nghệ cao.

Hệ thống chỉ huy đã đáp ứng yêu cầu chỉ huy quân sự và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các cuộc chiến tranh vừa qua. Ngày nay những thành tựu khoa học - công nghệ, cũng biết là công nghệ thông tin, đã tạo nên bước phát triển nhảy vọt về các phương tiện thông tin - liên lạc phục vụ chỉ huy, kiểm soát, tình báo và tiến hành “chiến tranh thông tin”. Những thách thức lớn của chiến tranh này đòi hỏi hệ thống chỉ huy của Quân đội Nhân dân Việt Nam phải đổi mới hiện đại hoá có thể đáp ứng các yêu cầu của chiến tranh bảo vệ Tổ quốc thế kỷ XXI. Vì vậy, nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin - liên lạc có vai trò quan trọng trong xây dựng sức mạnh chiến đấu của Quân đội nhân dân và các lực lượng quốc phòng toàn dân.

2.1.6. M r ng h p tác qu c t v qu c phòng

M r ng quan h i ngo i và nâng cao hi u qu h p tác qu c t trên các l nh v c qu c phòng, an ninh là m t nh h ng quan tr ng trong xây d ng quân i trong th i gian t i.

H p tác hu n luy n, ào t o, trao i kinh nghi m và h c thu t v i các n c khác là l nh v c u tiên trong công tác i ngo i qu c phòng c a Vi t Nam. Vi t Nam ch tr ng m r ng h p tác qu c t trong ào t o s quan, nhân viên k thu t có trình chuyên môn cao, nh t là trên l nh v c ào t o ngo i ng , quân y và các l nh v c khoa h c, k thu t quân s khác. Ngoài vi c c cán b i h c, ào t o n c ngoài, m t s nhà tr ng quân i c ng m r ng ào t o cho các n c khác. T n m 2007, H c vi n Qu c phòng Vi t Nam ã m khoá ào t o cho các s quan cao c p n c ngoài. Vi c m r ng quan h gi a các h c vi n, vi n nghiên c u qu c phòng c a Vi t Nam v i các i tác n c ngoài, c s quan tham d các cu c h i ngh , h i th o qu c t ... t o i u ki n trao i c i m v các v n an ninh khu v c và th gi i mà các bên quan tâm ng th i m ra các c h i h p tác nâng cao ch t l ng nghiên c u các v n m i trong khoa h c và ngh thu t quân s .

Vi t Nam quan tâm h p tác qu c t v công nghi p qu c phòng áp ng các nhu c u trang b , v khí c a l c l ng v trang, nâng cao n ng l c c a công nghi p qu c phòng trên c s th c hi n nghiêm túc các cam k t qu c t v ki m soát v khí. Công nghi p qu c phòng Vi t Nam u

tiên h p tác qu c t trên các l nh v c nghiên c u, chuy n giao công ngh ; s n xu t, s a ch a trang thi t b quân s và v khí; ào t o nhân l c...

b o m cho quân i có các lo i v khí hi n i c n thi t áp ng yêu c u b o v T qu c trong khi kh n ng công nghi p qu c phòng trong n c ch a th áp ng c, Vi t Nam ti p t c mua v khí, trang thi t b quân s t các n c b n hàng truy n th ng, ng th i quan tâm m r ng th ng m i qu c phòng v i các n c khác, nh m áp ng ngày càng t t h n nhu c u b o m k thu t c ng nh trang thi t b quân s và v khí cho các l c l ng v trang.

2.2. Xây d ng Dân quân t v

L c l ng dân quân, t v c xây d ng theo h ng "v ng m nh, r ng kh p", có ch t l ng t ng h p cao, tr c h t là ch t l ng chính tr ; có l c l ng c ng th ng tr c và l c l ng r ng rãi v i s l ng và t l phù h p, có c c u t ch c h p lý. Ch t l ng hu n luy n, ch t l ng ào t o ch huy tr ng quân s xã (ph ng, th tr n) c nâng cao h n n a. Vai trò lãnh o, ch o c a các c p y, chính quy n a ph ng i v i Dân quân t v c t ng c ng, b o m cho l c l ng này s c hoàn thành t t các nhi m v và là l c l ng ch y u, quan tr ng b o v c p y, chính quy n, nhân dân a ph ng, c s .

Quán tri t các quan i m, ng l i ch o c a ng v xây d ng l c l ng v trang qu n chúng trong tình hình m i, Dân quân t v c rà soát, c ng c nâng cao ch t

l ng, tr c h t là ch t l ng chính tr . Xu t phát t yêu c u và nhi m v m i trong chi n tranh hi n i, t ch c l c l ng Dân quân t v c nghiên c u xây d ng phù h p. Mô hình t ch c Dân quân t v c i m i, phù h p v i s a d ng c a các thành ph n kinh t . Dân quân t v c t ch c r ng kh p nh ng có tr ng i m, k th p trang b thô s v i t ng i hi n i và hi n i áp ng yêu c u nhi m v tr c m t và lâu dài.

Công tác hu n luy n Dân quân t v ang c i m i c v n i dung và ph ng pháp, chú tr ng t p hu n, b i d ng cán b . Các h i thi, h i thao, di n t p c t ch c th ng xuyên nâng cao n ng l c công tác, ch huy và ho t ng, chi n u c a cán b , chi n s Dân quân t v . Vi c hu n luy n ph i h p tác chi n gi a Dân quân t v v i b i a ph ng và b i ch l c c coi tr ng. Dân quân t v c hu n luy n th c hi n ngày càng t th n nhi m v phòng ch ng, gi m nh thiên tai, b o v tr t t an ninh xã h i a ph ng.

Nhà n c có chính sách ãi ng thích áng v i cán b , chi n s Dân quân t v , t o i u ki n c v t ch t v à tinh th n l c l ng Dân quân t v ho t ng ngày càng có hi u qu , thi t th c, góp ph n x ng áng vào s nghi p xây d ng và b o v T qu c.

KẾT LUẬN

Sách Tr ng v Qu c phòng Vi t Nam cung c p cho b n c t ng quan v nh ng v n c b n c a chính sách qu c phòng Vi t Nam trong ó xây d ng n n qu c phòng toàn dân, xây d ng Quân i nhân dân và Dân quân t v là nh ng v n then ch t. Các v n c nêu trong Sách Tr ng v Qu c phòng Vi t Nam nh m góp ph n t ng c ng hi u bi t và xây d ng lòng tin gi a Vi t Nam v i các qu c gia khác trong c ng ng qu c t . Sách tr ng c ng là tài li u quan tr ng nâng cao hi u bi t v qu c phòng c a t n c cho công dân Vi t Nam, góp ph n làm cho m i công dân, c quan, n v và t ch c xã h i hi u rõ h n quy n l i và trách nhi m c a mình trong tham gia công cu c c ng c qu c phòng vì s nghi p xây d ng và b o v T qu c, vì h nh phúc c a nhân dân.

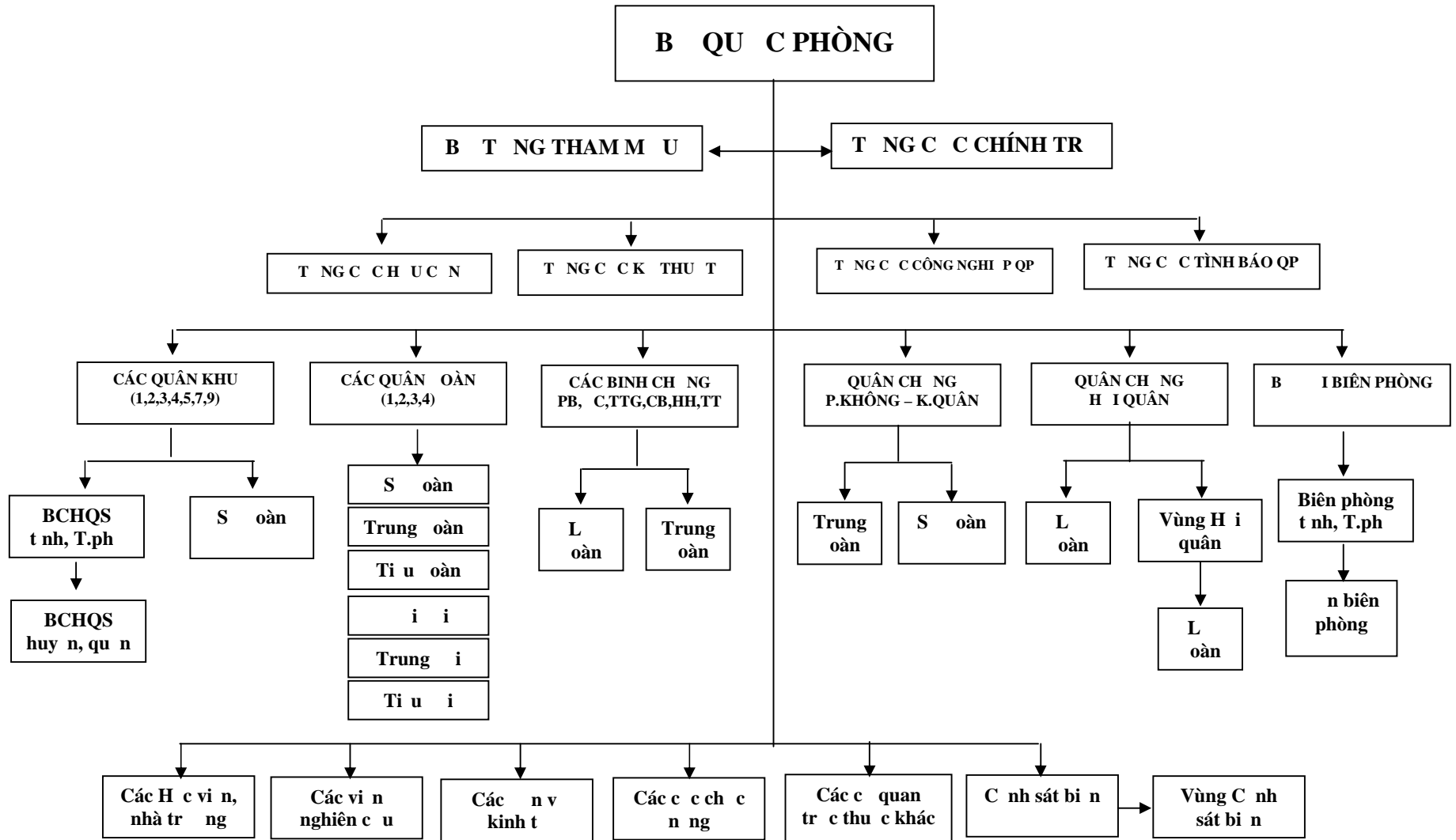
Trong b i c nh tình hình an ninh th gi i, khu v c có nhi u di n bi n ph c t p, khó l ng, th i c và thách th c an xen, Vi t Nam ch tr ng duy trì và phát tri n qu c phòng m nh, kiên trì chính sách qu c phòng mang tính ch t hoà bình, t v mà tr ng tâm là xây d ng n n qu c phòng toàn dân. Vi t Nam xây d ng quân i “c a dân, do dân, vì dân”, có t ch c ch t ch , có k lu t nghiêm, có l c l ng th ng tr c h p lý, l c l ng d b hùng h u, c hu n luy n và trang b các lo i v khí ngày càng hi n i, kh n ng b o v c l p, ch quy n, th ng nh t, toàn v n lãnh th , các l i ích qu c gia và ch xã h i ch ng a. Vi t Nam y m nh h p tác qu c t trên các l nh v c qu c phòng, an ninh, tìm ki m gi i pháp lâu dài cho các tranh

ch p lãnh th và các tranh ch p khác b ng các bi n pháp
hoà bình, góp ph n xây d ng òng Nam Á thành khu v c
hoà bình, n nh và th nh v ng.

Vi c xu t b n Sách tr ng v Qu c phòng Vi t Nam
n m 2009 th hi n mong mu n và quy t tâm c a Vi t Nam
trong vi c phát tri n quan h h u ngh , h p tác, bình ng
v i t t c các n c trên c s tôn tr ng l n nhau, vì hoà
bình, c l p dân t c, dân ch và ti n b xã h i./.

PHỤ LỤC

S T CH CB QU C PHÒNG
N C C NG HOÀ XÃ H I CH NGH A VI T NAM



**Ph 1 c 2: TU VIÊN QU C PHÒNG VI T NAM T I
N C NGOÀI**

(Tính n tháng 3 n m 2009)

TT	A BÀN	A CH V N PHÒNG	I N THO I
			FAX
1	Lào	No 65 Saomsayha Rd, Vientiane, Laos	00.856.21412403
			00.856.21416352
2	C m-pu-chia	No 75, 214 Rd, 7/1Dist, Phnompenh, Cambodia	00.855.12505443
			00.855.23801430
3	In- ô-nê-xi-a	Ambssador Mall, JS Sura Sarid Indonesia	00.62816876373
			00.622157935714
4	Ma-lai-xi-a	No 7 Lorongsan Ahwing. Off Jalan Samarak, 54100 Kuala Lumpur	00.60173261559
			00.603.26913522
5	Mi-an-ma	No 45 Frymaing Road, Bahan Township yangon Union of Myanmar	00.95.95187811
			00.95.1537823
6	Phi-lip-pin	No 670. Pabio. Ocampo. Malate, Manila, Philippines	00.63.9174828289
			00.63.25280474
7	Xinh-ga-po	No 62 Farrer Road 03 - 01 Spanish Village, Singapore 268847	00.65.81894739
			00.65.64757491

TT	A BÀN	A CH V N PHÒNG	I N THO I
			FAX
8	Thái Lan	No 1779, Pitchaya Lasalle Soi Sukhumvit 105 (Soi lasalle), Bangna, Bangkok 10260	00.66.23839284
			00.66.2383.9285
9	Trung Qu c	32, Quang Hua Road, Chao Yang Det Beijing, China	00.86.1065.323.593
			00.86.1065323593
10	Hàn Qu c	No 1 - 66, Dongbinggo - dong, Yongsan - ku, Seoul, Korea	00.82.27498362
			00.82.27493275
11	Tri u Tiên	No 7, Munsudong, Pyongyang, DPRK	00.850.23817638
			00.86.106.5442327
12	Nh t B n	YoYogi 3-57-6 (Room No 305), Shibya-ku, Tokyo 151-0053, Japan	00.8135320617
			00.8135320617
13	n	B1/70 Safdarung Enclave, New Dethi, India	00.91.40619697
			00.91.26161571
14	M (Kiêm nhi m Ca-na-da)	1233 St. NW; Suite 201 Washington DC, 20036	00.1202.8127188
			00.1202.293.1842

TT	A BÀN	A CH V N PHÒNG	I N THO I
			FAX
15	Bra-xin	SHIS QI - 13.Conjuto 12.Casa 16 Lago sul, Brasilia, Brasil	00.55.6199819268
			00.55.6132480669
16	Cu-ba	Ave 1 ^{ra} A, N ^o 1520/Esg, a 154 Repto Nautio Playa, Lahabana, Cuba	00.53.52972954
			00.53.72086418
17	Nga	No 30 –Iamckaia Pepvaia St. Moscow, Russia	00.74952502138
			00.74952514920
18	U-crai-na (Kiêm nhi m Slô-va-ki-a)	No 51a, Tavama St. Kiev, U-crai-na	00.380.442845640
			00.380.442846640
19	Bun-ga-ry (Kiêm nhi m Th Nh K)	No 5, Semeonovo St, Dragalavshi Dist, Sofia, Bungary	00.359.29613429
			00.359.29611325
20	Pháp (Kiêm nhi m B)	No 45 Bis, Av Division Leclerc, 92320 Chatillon	00.33.157630353
			00.33.157637036
21	Nam Phi	S 302 Nicholson Street, Brookliyn, Pretoria	00.27.124608863
			00.27.124608872

TT	A BÀN	A CH V N PHÒNG	I N THO I
			FAX
22	Ô-xtrây-li-a	S 4 Broinowski PL, ISAACS, ACT 2607, Australia	00.61.262901590
			00.61.262868630
23	An-giê-ry	38 Rue Des Tourelles Hydra – Algier	00.21.321.603855
			00.21.321.603854
24	c (Kiêm nhì m Ý, Anh, Ba Lan)	Platanenalle 12a, 14050 Berlin - Westend, Gemany	00.49.304 2023794
			00.49.3042021582
25	Tây Ban Nha	(S p m)	
26	CH Séc	(S p m)	
27	Bê-la-rút	(S p m)	
28	Vê-nê-zu-ê-la	(S p m)	
29	Bru-nây	(S p m)	

**Ph 1 c 3. CÁCH C VI N VÀ NHÀ TR NG CH Y U
C A QUÂN I**

**CÁCH C VI N, TR NG S QUAN TR C THU C
B QU C PHÒNG**

TT	TÊN	NGÀY TRUY N TH NG	A CH LIÊN H
1	H c vi n Qu c phòng	03/01/1977	S 93, ng Hoàng Qu c Vi t, Hà N i
2	H c vi n Chính tr	25/10/1951	ng Ngô Quy n, Hà ông, Hà N i
3	H c vi n L c quân	07/07/1946	Ph ng 9, thành ph à L t, Lâm ng
4	H c vi n k thu t quân s	28/10/1966	S 100, Hoàng Qu c Vi t, Hà N i
5	H c vi n H u c n	15/06/1951	Ph ng Ng c Th y, Long Biên, Hà N i.
6	H c vi n Quân y	10/03/1949	ng Phùng H ng, Hà ông, Hà N i
7	Tr ng S quan L c quân 1	15/04/1945	Xã C ông, S n Tây, Hà N i
8	Tr ng S quan L c quân 2	27/08/1961	Xã Tam Ph c, Long Thành, ng Nai
9	Tr ng S quan Chính tr	14/01/1976	Thành ph B c Ninh

**CÁC TR NG THU C CÁC T NG C C, QUÂN CH NG,
BINH CH NG**

TT	TÊN	NGÀY TRUY N TH NG	A CH LIÊN H
1	H c vi n Khoa h c Quân s	10/06/1957	S 322, ng Lê Tr ng T n, Hoàng Mai, Hà N i.
2	H c vi n H i quân	26/04/1955	S 30, ng Tr n Phú, Nha Trang, Khánh Hòa.
3	H c vi n Phòng không - Không quân	16/07/1964	Xã Kim S n và xã Trung S n Tr m, Th xã S n Tây, Hà N i.
4	H c vi n Biên phòng	20/05/1963	Ph ng S n L c, Th xã S n Tây, Hà N i.
5	Tr ng i h c V n hóa - Ngh thu t quân i	23/09/1955	S 100 Nguy n Chí Thanh, ng a, Hà N i.
6	Tr ng S quan Không quân	20/08/1959	Thành ph Nha Trang, Khánh Hòa.
7	Tr ng S quan T ng - Thi t giáp,	10-04-1973	ng V nh Yên - Tam o, huy n Tam o, V nh Phúc.
8	Tr ng S quan Thông tin	20-07-1967	Nha Trang, Khánh Hoà
9	Tr ng S quan Công binh	26/12/1955	Th xã Th D u M t, t nh Bình D ng.
10	Tr ng S quan Phòng hóa	21/09/1976	Xã S n ông, Th xã S n Tây, Hà N i.
11	Tr ng S quan Pháo binh	18/02/1957	Xã Trung S n Tr m, Th xã S n Tây, Hà N i.
12	Tr ng S quan c công	20-07-1967	Th tr n Xuân Mai, Ch ng M , Hà N i
13	Cao ng K thu t Vinhem Pic	27/05/1978	S 189 Nguy n Oanh, Gò V p, Thành ph H Chí Minh

**Ph 1 c 4. CÁC VI N NGHIÊN C U CH Y U
C A QUÂN I**

TT	TÊN	NGÀY TRUY N TH NG	A CH LIÊN H
1	Vi n Chi n l c Quân s	11/01/1990	S 3B Hoàng Di u, Hà N i
2	Vi n Khoa h c và Công ngh Quân s	12/10/1960	S 17 Hoàng Sâm, Hà N i
3	Vi n Quan h qu c t v Qu c phòng,	21/12/2002	Nhân M , M ình, T Liêm, Hà N i
4	Vi n L ch s Quân s	28/05/1981	S 3B Hoàng Di u, Hà N i
5	Vi n Khoa h c và Ngh thu t quân s	03/01/1977	S 93 Hoàng Qu c Vi t, Hà N i
6	Vi n Khoa h c xã h i và Nhân v n quân s	21/12/2002	Ngô Quy n, Hà ông, Hà N i

**Ph 1 c 5. NGÀY TRUY N TH NG M T S NV
TR C THU C B QU C PHÒNG**

TT	N V	NGÀY TRUY N TH NG
1	Quân i nhân dân Vi t Nam	22/12/1944
2	B t ng Tham m u	07/09/1945
3	T ng c c Chính tr	22/12/1944
4	T ng c c H u c n	11/07/1950
5	T ng c c K thu t	10/09/1974
6	T ng c c Công nghi p Qu c phòng	15/09/1945
7	T ng c c Tình báo Qu c phòng	25/10/1945
8	Quân khu 1	16/10/1945
9	Quân khu 2	19/10/1946
10	Quân khu 3	31/10/1945
11	Quân khu 4	15/10/1945
12	Quân khu 5	16/10/1945
13	Quân khu 7	10/12/1945
14	Quân khu 9	10/12/1945
15	BTL Th ô	19/08/1945
16	Quân ch ng Phòng không – Không quân	22/10/1963

TT	N V	NGÀY TRUY N TH NG
17	Quân ch ng H i quân	07/05/1955
18	B i Biên phòng	03/03/1959
19	Quân oàn 1	24/10/1973
20	Quân oàn 2	17/05/1974
21	Quân oàn 3	26/03/1975
22	Quân oàn 4	20/07/1974
23	Binh ch ng Công binh	25/03/1946
24	Binh ch ng c công	19/03/1967
25	Binh ch ng Hóa h c	19/04/1958
26	Binh ch ng Pháo binh	29/06/1946
27	Binh ch ng T ng - Thi t giáp	05/10/1959
28	Binh ch ng Thông tin	09/09/1945
29	C c i ngo i B Qu c phòng	28/05/1964
30	C c C nh sát bi n	28/08/1998

**Ph 1 c 6. DANH SÁCH CÁC KHU
KINH T - QU C PHÒNG**

TT	TÊN	A I M
1	Khu Kinh t - Qu c phòng M u S n	L ng S n
2	Khu Kinh t - Qu c phòng B o L c- B o Lâm	Cao B ng
3	Khu Kinh t - Qu c phòng M ng Chà	i n Biên
4	Khu Kinh t - Qu c phòng V Xuyên	Hà Giang
5	Khu Kinh t - Qu c phòng Xín M n	Hà Giang
6	Khu Kinh t - Qu c phòng Bát Sát	Lào Cai
7	Khu Kinh t - Qu c phòng Sông Mã	S n La
8	Khu Kinh t - Qu c phòng Phong Th	Lai Châu
9	Khu Kinh t - Qu c phòng B c H i S n	Qu ng Ninh
10	Khu Kinh t - Qu c phòng Bình Liêu - Qu ng Hà - Móng Cái	Qu ng Ninh
11	Khu Kinh t - Qu c phòng Khe Sanh	Qu ng Tr
12	Khu Kinh t - Qu c phòng Aso - Al i	Th a Thiên- Hu
13	Khu Kinh t - Qu c phòng K S n	Ngh An
14	Khu Kinh t - Qu c phòng M ng Lát	Thanh Hóa

TT	TÊN	A I M
15	Khu Kinh tế - Quốc phòng C mga	c L c
16	Khu Kinh tế - Quốc phòng Tây Giang	Qu ng Nam
17	Khu Kinh tế - Quốc phòng Bù Gia Phúc – Bù Gia M p	Bình Ph c
18	Khu Kinh tế - Quốc phòng B c Lâm ng	Lâm ng
19	Khu Kinh tế - Quốc phòng Tân H ng	ng Tháp
20	Khu Kinh tế - Quốc phòng Qu ng S n	c L c
21	Khu Kinh tế - Quốc phòng Bình oàn 15	Gia Lai, Kon Tum, c L c
22	Khu Kinh tế - Quốc phòng Bình oàn 16	c L c, Bình Ph c

**Ph 1 c 7. DANH SÁCH CÁC T NG CÔNG TY L N
C A QUÂN I**

TT	TÊN	NGÀY TRUY N TH NG	TR S CHÍNH
1	T ng công ty xây d ng Tr ng S n	19/05/1959	S 475, Nguy n Trãi, Thanh Xuân, Hà N i
2	T ng công ty ông B c	24/12/1994	Ph ng H ng H i, H Long, Qu ng Ninh
3	T ng công ty Bay d ch v Vi t Nam	01/06/1989	S 172, ng Tr ng Chinh, ng a, Hà N i
4	T ng công ty Vi n thông quân i (Vietel)	01/06/1989	S 1, Giang V n Minh, Ba ình, Hà N i
5	T ng công ty 15	20/02/1985	Ph ng Yên Th , thành ph Pleiku, t nh Gia Lai.
6	T ng công ty X ng d u quân i	30/09/1965	S 125, Nguy n Phong S c, D ch V ng, C u Gi y, Hà N i
7	T ng công ty 28	09/05/1975	S 3, Nguy n Oanh, Ph ng 10, Qu n Gò V p, TP HCM
8	T ng công ty Thành An	11/06/1982	S 141, h c Di, Nam ng, ng a, Hà N i
9	Tân c ng	15/03/1989	ng i n Biên Ph , Ph ng 22, Qu n Bình Th nh, TP HCM
10	Ngân hàng Quân i	4/11/1994	S 3 ng Li u Giai, Qu n Ba ình, Hà N i

**Ph 1 c 8. DANH SÁCH CÁC HI P NH LIÊN QUAN
N BIÊN GI I ã C KÝ K T**

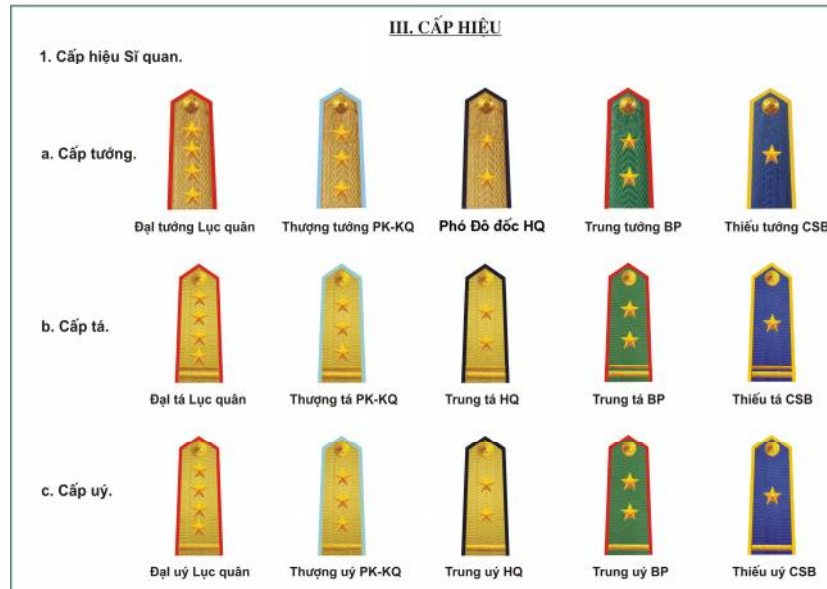
1	Hì p nh phân nh V nh B c B gi a Vi t Nam v à Trung Qu c
2	Hì p nh h p tác ngh cá V nh B c B gi a Vi t Nam v à Trung Qu c
3	Hì p nh biên gi i trên t li n gi a Vi t Nam và Trung Qu c
4	Hì p nh phân nh biên gi i trên b gi a Vi t Nam và Lào
5	Hì p nh phân nh biên gi i trên b gi a Vi t Nam và C m-pu-chia
6	Hì p nh v vùng n c l ch s gi a Vi t Nam và C m-pu-chia
7	Hì p nh phân nh vùng bi n gi a Vi t Nam và Thái Lan
8	Hì p nh phân nh ranh gi i th m l c a gi a Vi t Nam và In- ô-nê-xi-a
9	Tho thu n v h p tác th m dò và khai thác chung vùng ch ng l n gi a Vi t Nam và Ma-lai-xi-a

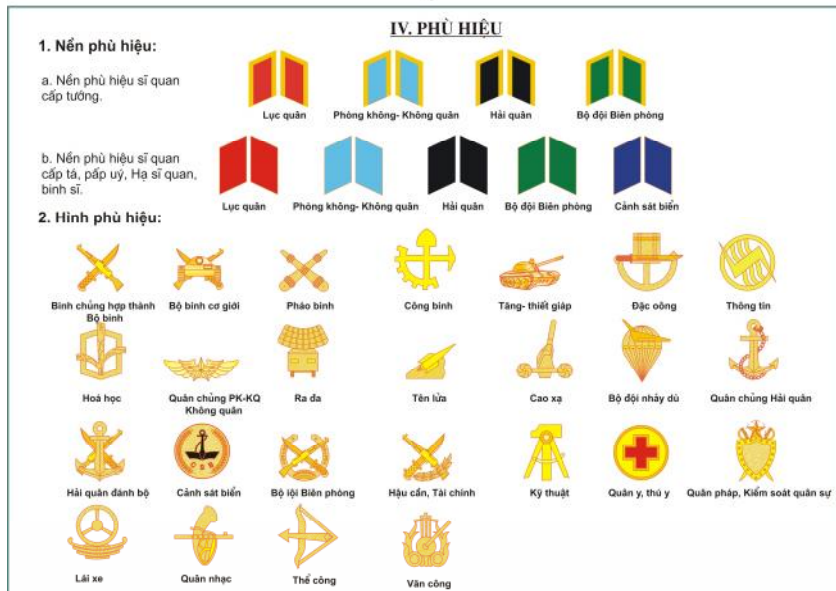
Ph 1 c 9. QUÂN KỶ, QUÂN HIỆU, CẤP HIỆU, PHỤ HIỆU VÀ QUÂN PHỤC C C A QUÂN I NHÂN DÂN VIỆT NAM

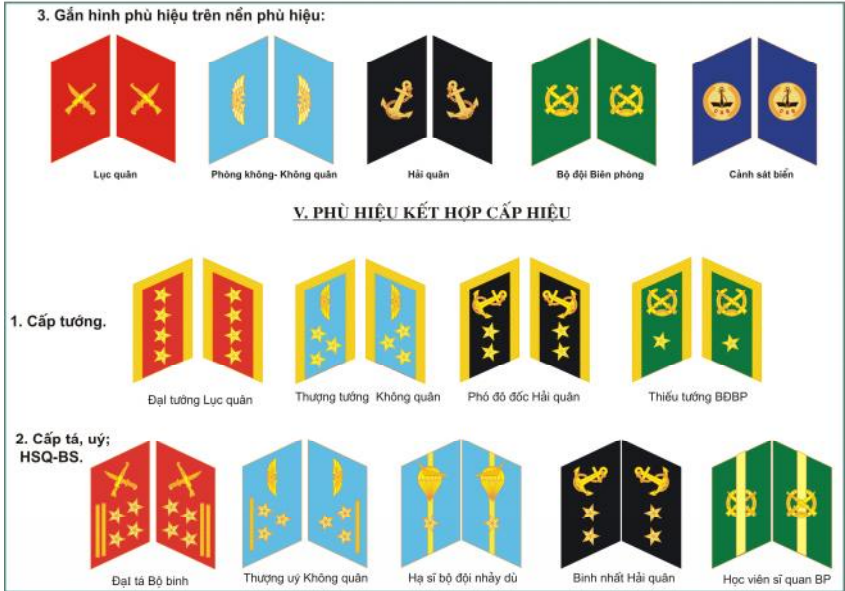
1



2

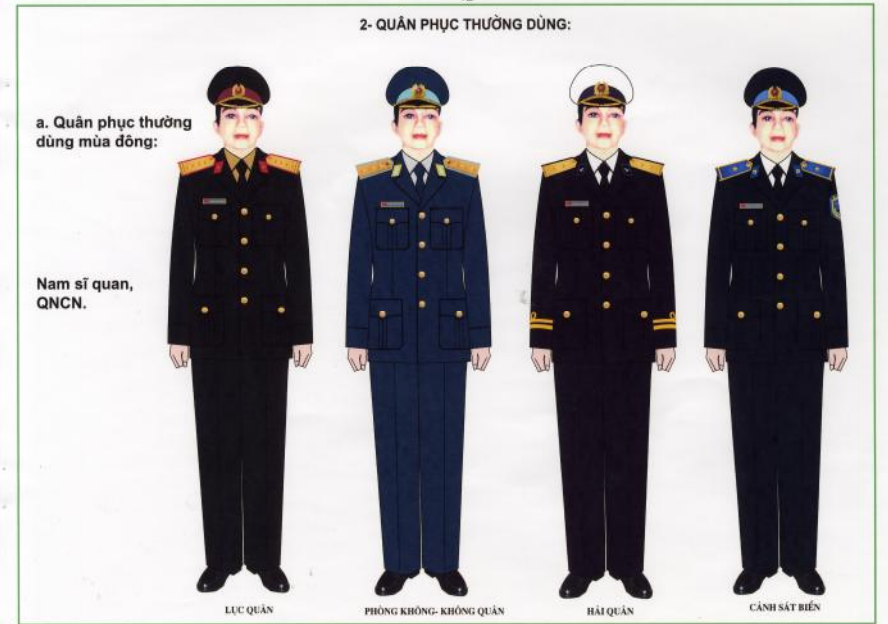




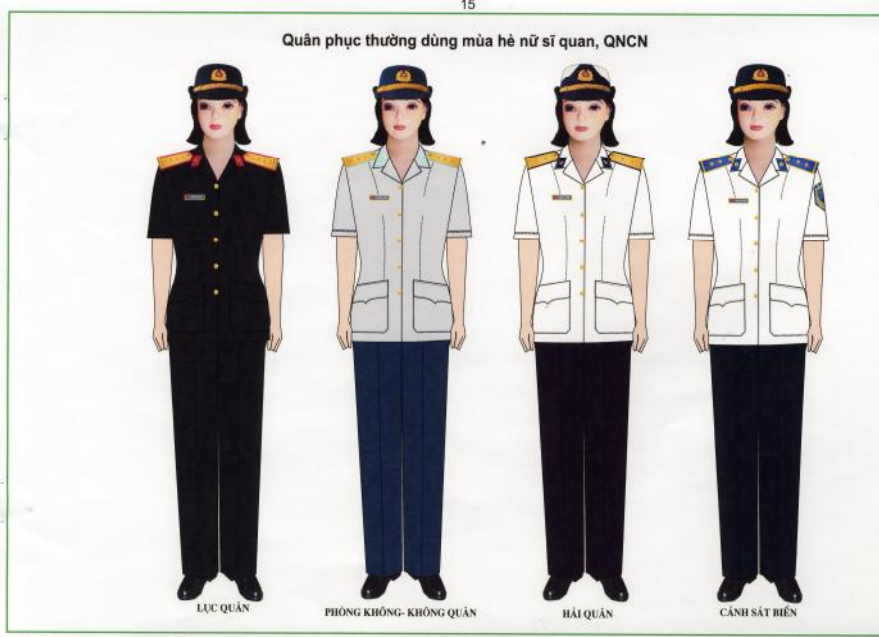












B. QUÂN PHỤC CỦA HẠ SỸ QUAN, BINH SỸ
1. Quân phục dự lễ



LỰC QUÂN

Đeo dải huân chương



NỮ CHIẾN SỸ



PKHÔNG-K.QUÂN



HẢI QUÂN MÙA ĐÔNG

Đeo cứng huân chương



HẢI QUÂN MÙA HÈ

2. Quân phục thường dùng của HSQ-ĐS



LỰC QUÂN



PKHÔNG-K.QUÂN



MÙA ĐÔNG HẢI QUÂN



MÙA HÈ HẢI QUÂN



CẢNH SÁT BIỂN

C. QUÂN PHỤC CỦA HỌC VIÊN ĐÀO TẠO SĨ QUAN
1. Quân phục dự lễ



LỤC QUÂN MÙA ĐÔNG
ĐEO DẢI HUÂN CHƯƠNG



LỤC QUÂN MÙA ĐÔNG
ĐEO CƯỜNG HUÂN CHƯƠNG



LỤC QUÂN MÙA HÈ



HẢI QUÂN MÙA HÈ

2. Quân phục thường dùng của học viên đào tạo sĩ quan



LỤC QUÂN



MÙA ĐÔNG HẢI QUÂN



MÙA HÈ HẢI QUÂN



LỤC QUÂN (ÁO CHỐNG NẮNG)

D. QUÂN PHỤC NGHIỆP VỤ NGHI LỄ

1. Quân phục nghiệp vụ nghi lễ của bộ đội danh dự cấp Bộ

SỸ QUÂN-QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP



SỸ QUÂN LỤC QUÂN



SỸ QUÂN P. KHÔNG-K. QUÂN



SỸ QUÂN HẢI QUÂN

Quân phục nghiệp vụ nghi lễ của bộ đội danh dự cấp Bộ

HẠ SỸ QUÂN-BÌNH SỸ



LỤC QUÂN



P. KHÔNG-K. QUÂN



HẢI QUÂN MÙA ĐÔNG



HẢI QUÂN MÙA HÈ

2. Quân phục đội danh dự của các đơn vị

SỸ QUÂN-QUÂN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP



SỸ QUÂN LỤC QUÂN



SỸ QUÂN P. KHÔNG- K. QUÂN



SỸ QUÂN HẢI QUÂN

Quân phục đội danh dự của các đơn vị

HA SỸ QUÂN-BÍNH SỸ



LỤC QUÂN



P.KHÔNG-K. QUÂN



HẢI QUÂN MÙA ĐÔNG



HẢI QUÂN MÙA HÈ



HỌC VIÊN ĐÀO TẠO
SỸ QUÂN LỤC QUÂN

**E. QUÂN PHỤC NGHIỆP VỤ
CỦA BỘ ĐỘI BẢO VỆ LÃNG CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

SỸ QUÂN-QUẢN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

HA SỸ QUAN-BINH SỸ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ

**G. QUÂN PHỤC NGHIỆP VỤ KIỂM SOÁT QUÂN SỰ
1. Quân phục kiểm soát quân sự chuyên nghiệp**

SỸ QUÂN-QUẢN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

HA SỸ QUAN-BINH SỸ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ



MÙA HÈ



ÁO CHỐNG RẾT

2. Quân phục kiểm soát quân sự không chuyên nghiệp

SỸ QUẢN-QUẢN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

HẠ SỸ QUAN-BINH SỸ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ



MÙA HÈ



ÁO CHỐNG RÉT

H. QUÂN PHỤC NGHIỆP VỤ CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG CỬA KHẨU

SỸ QUẢN-QUẢN NHÂN CHUYÊN NGHIỆP

HẠ SỸ QUAN-BINH SỸ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ



MÙA ĐÔNG



MÙA HÈ

QUÂN PHỤC DÃ CHIẾN



CẤP TƯỚNG



CẤP TÁ



HSQ-BS

Ph i c 10: TRAO I OÀN QUÂN S C P CAO
T n m 2005 n 6 tháng u n m 2009

OÀN N TH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2005</i>	
28 - 29/01	B tr ng B Qu c phòng Lào
23 - 25/02	T ng Tham m u tr ng Quân i An-giê-ri
07 - 10/3	T ng t l nh Quân i Hoàng gia C m-pu-chia
06 - 08/4	B tr ng B Qu c phòng Ô-xtrây-li-a
20 - 25/4	T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
18 - 21/4	T l nh L c l ng Qu c phòng Xinh-ga-po
27/4 - 02/5	B tr ng B các L c l ng V trang Cách m ng Cu-ba
17 - 21/5	Tham m u tr ng các L c l ng V trang Phi-líp-pin
31/8 - 02/9	B tr ng B Qu c phòng Lào
29 - 30/8	B tr ng B Qu c phòng C m-pu-chia
19 - 20/9	T l nh T i cao Quân i Hoàng gia Thái Lan
18 - 20/10	B tr ng B Qu c phòng Nam Phi
22 - 29/10	T ng Tham m u tr ng Quân i B
20 - 23/12	ng B tr ng B Qu c phòng C m-pu-chia
23 - 27/2	T l nh Không quân Ô-xtrây-li-a
21 - 25/3	Phó Giám c C quan an ninh Nga
04 - 10/4	Ch nhi m T ng c c H u c n Quân i nhân dân Lào
25 - 29/4	T ng c c tr ng T ng c c Tình báo qu c phòng Nam Phi

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2005</i>	
01 - 03/6	T l nh H i quân Thái Lan
07 - 09/6	Tr lý B tr ng B Qu c phòng Hoa K
20/6 - 1/7	T l nh Không quân Cu-ba
02 - 08/7	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
12 - 13/7	T l nh L c quân Thái Lan
17 - 19/7	T l nh Không quân Ma-lai-xi-a
21 - 25/7	V n phòng Quân u Trung ng Trung Qu c
01 - 05/8	T l nh L c quân C m-pu chia
02 - 06/8	Ban công tác c bi t Chính ph Lào
26 - 30/9	oàn U ban chuyên trách Chính ph C m-pu chia
16 - 20/10	Phó Ch nhi m T ng c c Chính tr Quân i Nhân dân Lào
30/10 - 2/11	T ng c c tr ng T ng c c C nh sát C m-pu chia
14 - 19/11	Th tr ng B Qu c phòng Bru-nây
28 - 30/11	Ch t ch Phân ban U-crai-na h p U ban Liên chính ph
04 - 07/12	Ch t ch Phân ban Liên bang Nga h p U ban Liên chính ph

OÀN NH TH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2006</i>	
06 - 09/02	B tr ng B Qu c phòng Lào
06 - 10/4	B tr ng B Qu c phòng Trung Qu c
15 - 18/5	TMT các L c l ng V trang Phi-lip-pin
30/5 - 2/6	B tr ng B Qu c phòng Hàn Qu c
04 - 06/6	B tr ng B Qu c phòng Hoa K
07 - 11/6	Ch nhi m T ng c c Chính tr Quân i nhân dân Lào
12 - 17/6	T ng Tham m u tr ng Quân i Nam Phi
10 - 12/9	B tr ng B Qu c phòng Lào
20 - 24/12	T l nh L c l ng Qu c phòng Ma-lai-xi-a
05 - 07/01	T ng c c tr ng T ng c c Tình báo Nga
08 - 10/02	T l nh L c quân Xinh-ga-po
15 - 16/02	T l nh Không quân Thái Lan
07 - 10/03	Giám c C quan Tình báo qu c phòng Hàn Qu c
14 - 17/03	Ch t ch Phân ban U-crai-na
14 - 19/03	Tham m u tr ng Không quân Pháp
28 - 31/03	T l nh Quân khu 1 Quân i Hoàng Gia C m-pu-chia
02 - 06/5	Tham m u tr ng L c quân Nga
02 - 07/5	U ban h p tác Công nghi p qu c phòng và H u c n Hàn Qu c
03 - 06/5	T l nh H i quân Ma-lai-xi-a
18 - 24/5	T ng c c Quân y Nga

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2006</i>	
20 - 26/5	T ng c c tr ng T ng c c V t li u ng-gô-la
23 - 26/5	Giám c C quan Tỉnh báo Phi-lip-pin
26 - 28/5	Th tr ng B Qu c phòng Lào
22 - 26/6	T ng c c h p tác quân s qu c t Nga
13 - 16/7	T l nh L c l ng Thái Bình D ng Hoa K
14 - 17/7	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
02 - 05/8	T l nh H i quân Hàn Qu c
06 - 12/8	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
07 - 10/8	T l nh H i quân Thái Lan
16 - 22/8	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
24 - 28/8	T l nh L c quân Ma-lai-xi-a
10 - 22/9	CN T ng c c V t li u ng-gô-la
10 - 17/9	B Tỉnh tr ng Kh n c p Nga
12 - 14/10	Th tr ng BQP n
13 - 17/10	T l nh L c quân Ô-xtrây-li-a
03 - 08/12	i Quân khu Thành ô Quân gi i phóng nhân dân Trung Qu c
06 - 07/12	T l nh L c quân Thái Lan
20 - 24/12	T l nh L c l ng Qu c phòng Ma-lai-xi-a

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2007</i>	
04 - 05/01	T l nh t i cao Quân i Hoàng gia Thái Lan
02 - 08/5	T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
30/5 - 3/6	T ng Tham m u tr ng Quân gi i phóng nhân dân Trung Qu c
02 - 06/7	T ng Tham m u tr ng Quân i Mô-d m-bích
18 - 24/8	T ng Tham m u tr ng Quân i Xu- ng
24 - 26/9	B tr ng B Qu c phòng Xinh-ga-po
30/9 - 5/10	B tr ng B Qu c phòng Bun-ga-ry
15 - 21/10	T ng T l nh Quân i Hoàng gia C m-pu-chia
15 - 19/11	Ch nhi m T ng b Chính tr Quân gi i phóng nhân dân Trung Qu c
04 - 07/3	Tham m u t ng L c quân Nh t B n
02 - 04/4	Bí th th ng tr c B Qu c phòng Xinh-ga-po
19 - 23/4	T l nh Quân khu Qu ng Tây Trung Qu c
10 - 13/6	Phó T ng Tham m u t ng Quân i nhân dân Lào
10 - 15/6	Qu c v khanh B Qu c phòng C m-pu-chia
15 - 18/6	T ng c c Tình báo liên quân Quân i Hoàng gia Thái Lan
12 - 14/8	T l nh Không quân In- ô-nê-xi-a
10 - 13/9	T l nh H i quân Ô-xtrây-li-a
10 - 16/9	Ban công tác c bi t Chính ph Lào
11 - 12/9	T l nh L c quân Thái Lan
23 - 29/9	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2007</i>	
24 - 30/9	Th tr ng B Qu c phòng Lào
24 - 30/9	Vi n tr ng Vi n Ki m sát Quân s Trung ng Hung-ga-ry
22 - 26/10	U ban chuyên trách Chính ph C m-pu-chia
07 - 10/11	T l nh Tình báo Qu c phòng Nam Phi
14 - 17/11	T l nh H i quân Phi-líp-pin
13 - 18/11	T l nh Không quân Niu Di-lân
08 - 13/11	Phó Tr lý B tr ng B Qu c phòng Hoa K
28 - 30/11	Phó T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
03 - 07/12	Ch t ch U ban phân ban Nga
06 - 07/12	T ng c c tr ng T ng c c Tình báo Nga
06 - 08/12	T ng Th ký Qu c phòng I-ta-li-a
10 - 14/12	Ch t ch U ban phân ban U-crai-na
11 - 15/12	oàn CCB Lào, C m-pu-chia d i h i C u chi n binh Vi t Nam
12 - 13/12	T l nh B ch huy Thái Bình D ng Hoa k
18 - 20/12	T l nh L c quân Thái Lan
18 - 22 12	Ch t ch U ban phân ban Bê-la-rút
<i>N m 2008</i>	
17 - 20/2	B tr ng B Qu c phòng Lào
26 - 29/2	Ch t ch U ban Tham m u tr ng n
24 - 26/3	B tr ng BQP C m-pu-chia
02 - 04/4	T l nh LLQP Xinh-ga-po

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2008</i>	
12 - 18/5	Ch nhi m T ng c c Chính tr Quân i nhân dân Lào
07 - 08/7	T l nh T i cao Quân i Hoàng gia Thái Lan
06 - 09/8	T l nh L c l ng Qu c phòng Niu Di-lân
06 - 07/11	B tr ng B Qu c phòng Ba Lan
09 - 13/11	T ng Tham m u tr ng Quân i Bun-ga-ry
18 - 22/11	T ng Tham m u tr ng Quân i Bê-la-rút
30/11 - 5/12	T ng Th ký Qu c phòng An-giê-ry
23 - 26/12	B tr ng B Qu c phòng Pa-ki-xtan
14 - 17/01	S tr ng s 2,3 và ch huy tr ng các t nh B c Lào
20 - 22/01	T l nh L c quân Phi-lip-pin
23 - 30/01	Phân ban U ban Liên chính ph Bê-la-rút
02 - 12/3	Phân ban U ban Liên chính ph Nga
09 - 13/3	T l nh Không quân Xinh-ga-po
21 - 23/4	T l nh Không quân Thái Lan
18 - 21/5	T l nh Không oàn 13 Hoa K
27 - 29/5	Giám c Tình báo qu c phòng Xinh-ga-po
25 - 28/6	T l nh H i quân Thái Lan
20 - 21/8	T l nh L c quân Thái Lan
27/7 - 02/8	Phó Giám c C quan Liên bang Nga
07 - 12/9	Tham m u tr ng l c quân Ru-an- a
10 - 13/7	T ng c c Tình báo Hàn Qu c
06 - 12/10	T l nh Không quân C m-pu-chia
06 - 08/10	T l nh L c quân Xinh-ga-po

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2008</i>	
09 - 11/10	Th tr ng B Qu c phòng n i tho i an ninh
20 - 24/10	T l nh QK c bi t C m-pu-chia
02 - 06/11	Phó Ch nhi m T ng b Chính tr Quân gi i phóng nhân dân Trung Qu c
07 - 12/12	B T l nh L c quân C m-pu-chia
14 - 18/12	Phó T l nh Tham m u tr ng Không quân Nga
<i>6 tháng u n m 2009</i>	
19 - 21/02	T l nh T i cao Quân i Hoàng gia Thái Lan
08 - 12/3	T ng T l nh Quân i Hoàng gia C m-pu-chia
20 - 24/3	T ng Tham m u tr ng Quân gi i phóng nhân dân Trung Qu c
12 - 14/02	T l nh H i quân Thái Lan
15 - 17/02	Phó T ng T l nh Quân i Hoàng gia C m-pu-chia
23 - 26/02	B ch huy Hu n luy n L c quân n
24 - 26/02	T l nh H i quân Ma-lai-xi-a
08 - 12/3	T l nh H m i Thái Bình D ng Hoa K
16 - 18/3	T ng c c H u c n n
17 - 21/3	T l nh H i quân C m-pu-chia
23 - 25/3	T l nh H i quân In- ô-nê-xi-a
28/4 - 01/5	Phó Ch nhi m th nh t T ng c c Chính tr Quân i nhân dân Tri u Tiên

OÀN NTH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
6 tháng u n m 2009	
07 - 11/4	T l nh H i quân mi n ông n
13 - 15/4	T l nh H i quân Xinh-ga-po
26 - 29/5	B tr ng Qu c phòng Bê-la-rút
11 - 15/5	T ng Tham m u tr ng Quân i nhân dân Lào
05 - 06/5	Th tr ng Qu c phòng Nh t B n
Tháng 5	oàn B T ng T l nh L c quân các L c l ng V trang Liên bang Nga
13 - 17/5	Th ký Qu c phòng Niu Di-lân
14 - 25/5	C u Chi n binh Nga và U-crai-na trong chi n tranh Vi t Nam
21 - 24/5	Ch t ch Phân ban Nga trong U ban Liên chính ph Nga - Vi t v h p tác k thu t quân s
23 - 31/5	Giám c c quan Lu t pháp Qu c phòng Nam Phi
17 - 29/6	C u Chi n binh Bê-la-rút trong chi n tranh Vi t Nam
15 - 19/6	Qu c v khanh B Qu c phòng C m-pu-chia
10 - 13/6	T l nh Không quân Thái Bình D ng Hoa K
08 - 12/6	B tr ng B Qu c phòng Lào
08 - 12/6	Ch nhi m T ng c c H u c n Quân i nhân dân Lào
20 - 27/6	T l nh L c quân C m-pu-chia

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2005</i>	
02 - 07/3	B tr ng B Qu c phòng th m Lào và n
03 - 10/4	TTMT th m Mi-an-ma, Phi-líp-pin
10 - 14/5	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Lào
25 - 28/10	B tr ng B Qu c phòng th m Trung Qu c
16 - 19/01	Phó T ng Tham m u tr ng d H i ngh T ng Tham m u tr ng các n c ASEAN t i Ma-lai-xi-a
20 - 25/3	T l nh Quân khu 7 th m C m-pu-chia
25 - 30/3	T l nh Quân khu 5 th m C m-pu-chia
24/3 - 7/4	T l nh H i quân th m Nga, Ba Lan
10 - 15/4	Phó T ng Tham m u tr ng th m Trung Qu c
04/4- 1/5	Th tr ng B Qu c phòng tham gia oàn Th t ng th m Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân
03 - 10/5	Th tr ng B Qu c phòng th m C m-pu-chia
17 - 20/5	Th tr ng B Qu c phòng d H i ngh chính sách An ninh ARF t i Viên Ch n
15 - 21/5	Phó T ng Tham m u tr ng th m Nga
19 - 29/6	Th tr ng B Qu c phòng tham gia oàn Th t ng th m Hoa K , Ca-na- a
12 - 18/6	T l nh Quân khu 4 th m Lào
19 - 27/6	Giám c H c vi n Qu c phòng th m Anh
25 - 29/7	T l nh B i Biên phòng th m C m-pu-chia
03 - 14/7	Phó T ng tham m u tr ng th m Anh, Hung-ga-ry

ĐOÀN ĐI THAM MÃN C NGOÀI	
Thời gian	Tên đoàn
<i>Năm 2005</i>	
31/7 - 5/8	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy TLLQ TBD tại Thái Lan
20 - 31/8	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy
05 - 14/9	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy
07 - 12/9	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Liên lạc quân ASEAN tại Bru-nây
25 - 30/9	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Trung Quốc
04 - 10/9	Tổng cục trưởng Tổng cục II Bộ Chỉ huy In-đônê-xi-a
10 - 13/10	Liên lạc quân sự Bộ Chỉ huy Phi-líp-pin
18 - 22/10	Liên lạc Quân khu 9 Bộ Chỉ huy C-m-pu chia
14 - 20/11	Thư trưởng Bộ Chỉ huy phòng Bộ Chỉ huy Pháp
10 - 12/11	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Liên lạc Bộ Chỉ huy phòng ASEAN tại Phi-líp-pin
14 - 25/11	Chỉ huy trưởng Tổng cục CNQP Bộ Chỉ huy Trung Quốc
10 - 16/12	Liên lạc quân sự Bộ Chỉ huy Pháp, I-ta-li-a
<i>Năm 2006</i>	
02 - 09/01	Liên lạc Quân khu 7 Bộ Chỉ huy C-m-pu chia
09 - 13/01	Liên lạc quân sự Bộ Chỉ huy C-m-pu chia
12 - 14/01	Liên lạc Quân khu 7 Bộ Chỉ huy C-m-pu chia
13 - 19/02	Chỉ huy trưởng Tổng cục Chính trị Bộ Chỉ huy
08 - 11/03	Thư trưởng Bộ Chỉ huy phòng Bộ Chỉ huy Ma-lai-xi-a

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2006</i>	
07 - 13/5	B tr ng B Qu c phòng th m Nam Phi
24 - 30/9	T ng Tham m u tr ng th m Lào và C m-pu-chia
15 - 22/10	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Trung Qu c
27/11 - 7/12	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Cu-ba
08 - 10/5	Th tr ng B Qu c phòng d H i ngh B tr ng Qu c phòng các n c ASEAN l n l t i Ma-lai-xi-a
16/4 - 01/5	Th tr ng BQP d H i ngh an ninh các n c ARF t i Ma-lai-xi-a
13 - 20/02	Phó T ng Tham m u tr ng th m Nam Lào (1)
02 - 10/03	Phó T ng Tham m u tr ng th m Nam Lào (2)
21 - 27/03	T l nh Phòng không - Không quân th m U-crai-na
03 - 07/6	T l nh Quân khu 9 th m C m-pu-chia
05 - 10/6	T ng c c tr ng T ng c c II th m U-crai-na
11 - 21/6	Phó T ng Tham m u tr ng th m Thu i n
11/6 - 03/7	Ch nhi m T ng c c Công nghi p qu c phòng th m Pháp và m t s n c châu Âu
02 - 09/7	Th tr ng B Qu c phòng th m C ng hòa Áo
08 - 12/8	T l nh Quân khu Th ô th m Lào
26/9 - /10	Phó Ch t ch U ban Qu c gia tìm ki m c u n n th m Hoa K

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2006</i>	
17 - 2/10	Phó T ng Tham m u tr ng th m Hàn Qu c
21 - 5/10	T ng c c tr ng T ng c c II th m Nga
11 - 19/10	Ch nhi m T ng c c Công nghi p qu c phòng th m Nam Phi
28/10 - 3/11	T l nh H i quân d H i ngh T l nh H i quân Tây Thái Bình D ng
13 - 5/11	Phó T ng Tham m u tr ng d H i ngh T l nh LLQP CA-TBD t i Ma-lai-xi-a
20 - 4/11	T l nh Phòng không – Không quân d H i ngh T l nh Không quân t i In- ô-nê-xi-a
28 - 0/11	Th tr ng B Qu c phòng th m Lào
30/11 - 3/12	Phó T ng Tham m u tr ng th m Thái Lan
24/11 - 7/12	Th tr ng B Qu c phòng th m 3 n c SNG
11 - 5/12	Phó CN T ng c c Chính tr th m Ma-lai-xi-a
16 - 18/12	T l nh Quân khu 7 th m C m-pu-chia
26 - 30/12	Phó Ch nhi m T ng c c Chính tr h p Ban công tác c bi t t i Lào
<i>N m 2007</i>	
12 - 19/3	B tr ng B Qu c phòng th m Lào và C m-pu-chia
23 - 25/3	B tr ng B Qu c phòng d h p h p B tr ng Qu c phòng các n c ASEAN t i In- ô-nê-xi-a
27 - 31/5	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Lào
16 - 24/6	T ng tham m u tr ng th m Nga và Bê-la-rút

ĐOÀN ĐI THĂM MŨN C NGOÀI	
Thời gian	Tên đoàn
<i>Năm 2007</i>	
26 - 31/8	B trưởng Bộ Quốc phòng thăm Trung Quốc
07 - 20/10	Chánh nhiệm Tổng cục Chính trị thăm Nam Phi và An-giê-ri
11 - 15/11	B trưởng Bộ Quốc phòng thăm Xinh-ga-po và đại diện Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN
22 - 26/01	Phó Chánh nhiệm Tổng cục Chính trị thăm Cộng hòa Cuba
09 - 13/01	Phó Tổng Tham mưu trưởng thăm Lào (1)
02 - 11/02	Phó Tổng Tham mưu trưởng thăm Lào (2)
10 - 23/3	Th trưởng Bộ Quốc phòng thăm Ô-xtrây-li-a, Niu Di-lân và Bru-nây
11 - 19/3	Tổng cục Quân khu 7 thăm Cộng hòa Cuba
22 - 30/3	Tổng cục Quân khu 5 thăm Lào và Cộng hòa Cuba
24 - 29/4	Lãnh đạo các Quân khu 1, 2, 3, 7 và Thủ đô thăm Trung Quốc
16 - 22/5	Tổng cục Quân khu 5 thăm Lào
23 - 25/5	Th trưởng Bộ Quốc phòng đại diện chính sách an ninh-ARF tại Phi-lip-pin
31/5 - 04/6	Phó Tổng Tham mưu trưởng đi thăm Shan-gri-La 6 tại Xinh-ga-po
11 - 15/6	Tổng cục Quân khu 7 thăm Hàn Quốc
18 - 26/7	Phó Chánh nhiệm Tổng cục Chính trị thăm Nga
01 - 03/8	Phó Tổng Tham mưu trưởng đại diện Tổng Tham mưu trưởng các nước ASEAN tại Xinh-ga-po

ĐƠN VỊ THAM DỰ QUỐC TẾ	
Thời gian	Tên đơn vị
<i>Năm 2007</i>	
05 - 10/8	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Lữ đoàn Quân Thái Bình Dương tại Ô-xtrây-li-a
18 - 26/8	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Nga
24/8 - 06/9	Chỉ huy trưởng Bộ Công nghiệp quốc phòng Bộ Nga, I-xra-en
17 - 20/10	Thượng tá Bộ Quốc phòng Bộ Chỉ huy ADSOM tại Xinh-ga-po
30/10 - 2/11	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Lữ đoàn Quân Phòng Châu Á - Thái Bình Dương tại Ha-waii
29/10 - 2/11	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ C-m-pu chia
07 - 11/10	Giám đốc HVQP Bộ Chỉ huy các giám đốc Hcvi Bộ Quốc phòng ARF tại Ô-xtrây-li-a
01 - 05/11	Thượng tá Bộ Quốc phòng Bộ C-m-pu chia
17 - 21/11	Thượng tá Bộ Quốc phòng Bộ Lào
19 - 25/11	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Thái Lan và Bộ Chỉ huy T lnh L c quân ASEAN
20 - 25/11	T lnh Quân khu 4 Bộ Lào (1)
20/1 - 10/12	T lnh Quân khu 4 Bộ Lào (2)
27/11 - 2/12	Thượng tá Bộ Quốc phòng Bộ An ninh tại Bộ
30/11 - 4/12	Phó Tổng Tham mưu trưởng Bộ Thái Lan

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2008</i>	
06 - 10/01	T ng Tham m u tr ng và T l nh Quân khu 2 th m Lào
28/5 - 01/6	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m C m-pu-chia
25/6 - 06/7	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Nga, Bê-la-rút
10 - 16/8	B tr ng B Qu c phòng th m Mi-an-ma, Ma-lai-xi-a
31/7 - 03/8	T ng Tham m u tr ng d H i ngh T l nh L c l ng Qu c phòng t i Thái Lan
21 - 28/9	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Tri u Ti ên
20/9 - 2/10	B tr ng B Qu c phòng th m Nga, Bê-la-rút
30/11 - 5/12	T ng Tham m u tr ng th m Trung Qu c
06 - 12/01	T l nh H i quân th m Thái Lan, Ma-lai-xi-a
22 - 26/01	T l nh H i quân th m Hàn Qu c
22 - 26/01	Th tr ng B Qu c phòng h p U ban Liên chính ph ch o song ph ng t i Trung Qu c
21 - 28/4	Th tr ng B Qu c phòng th m Áo
24 - 29/4	Giám c H c vi n Qu c phòng th m Lào
22/4 - 04/5	T ng c c II th m Ni-ca-ra-go-a và Chi-lê
13 - 24/5	Giám c H c vi n Qu c phòng th m Pháp
20 - 31/5	Th tr ng B Qu c phòng th m Thu S , Ph n Lan
31/5 - 06/6	T ng c c II th m Vê-nê-zu-ê-la
30/5 - 02/6	Chính u Quân ch ng Phòng không - Không quân d 50 n m thành l p Không quân Ma-lai-xi-a

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>N m 2008</i>	
21- 28/6	Vi n Ki m sát Quân s Trung ng th m Nga
14 - 18/7	T l nh Quân khu Th ô th m Lào
02 - 12/8	Th tr ng B Qu c phòng th m Cu-ba
17 - 25/8	Chánh án Tòa án Quân s Trung ng th m Nam Phi
18 - 25/9	T l nh Quân khu 2 th m Lào
23 - 26/9	Phó T ng Tham m u tr ng i d di n t p t i Trung Qu c
24 - 29/9	Th tr ng B Qu c phòng h p l n th 10 U ban Liên chính ph
12 - 14/10	Phó T ng Tham m u tr ng tham gia oàn Th t ng th m Ô-xtrây-li-a
10 - 12/11	T l nh Quân khu 7, 9 và T l nh B i Biên phòng th m C m-pu-chia
25 - 26/11	Th tr ng B Qu c phòng tham gia oàn Th t ng th m Lào
<i>6 tháng u n m 2009</i>	
18 - 27/02	B tr ng B Qu c phòng th m Lào, C m-pu-chia, Thái Lan, d H i ngh B tr ng Qu c phòng các n c ASEAN l n th 3
30/3 - 3/4	Ch nhi m T ng c c Chính tr th m Lào
10 - 14/02	Chính u Quân ch ng Phòng không - Không quân th m n
15 - 20/02	Phó Ch nhi m T ng c c Chính tr và Ban công tác c bi t Chính ph th m Lào

OÀN I TH MN C NGOÀI	
Th i gian	Tên oàn
<i>6 tháng u n m 2009</i>	
21 - 28/02	T ng c c tr ng T ng c c II th m Nam Phi
22 - 25/02	T l nh Quân khu 9 th m C m-pu-chia
21/02 - 1/3	Th tr ng B Qu c phòng th m U-crai-na, Hàn Qu c
11 - 17/3	T l nh H i quân th m Xinh-ga-po và n
30/3 - 03/4	T l nh Quân khu 5 th m C m-pu-chia
12 - 25/4	Th tr ng B Qu c phòng th m Na-uy, Ai-len, Th Nh K
07 - 12/4	Th tr ng B Qu c phòng th m Trung Qu c
19 - 21/4	Th tr ng B Qu c phòng th m C m-pu-chia
20 - 23/4	T l nh H i quân d 60 n m H i quân Trung Qu c
07 - 11/4	T l nh B i Biên phòng th m C m-pu-chia
28/5 - 01/6	B tr ng B Qu c phòng d i tho i Shang-ri-La 8
04 - 11/5	Phó T ng Tham m u tr ng th m I-ta-li-a, Áo
06 - 12/5	T ng c c tr ng T ng c c Tình báo qu c phòng th m Nh t B n và Hàn Qu c
17 - 20/5	Phó T ng Tham m u tr ng d H i ngh ARF MoD và ASPC
31/5-12/6	Phó Ch t ch th ng tr c U ban Qu c gia tìm ki m c u n n th m Hoa K
21 - 27/6	T ng Tham m u tr ng th m Ma-lai-xi-a, In- ô-nê-xi-a
12 - 20/6	Phó Ch nhi m T ng c c Chính tr th m c
13 - 23/6	Chính u Quân ch ng Phòng không - Không quân i Pháp, Tây Ban Nha
25/6 - 03/7	Phó Ch t ch Th ng tr c U ban Qu c gia tìm ki m c u n n i Pháp
29/6 - 03/7	T l nh Quân khu 5 i th m Lào

**Ph 1 c 11: CÁC CHUYẾN THỰC MIỄN THUẾ CÁC
TÀU QUÂN S**

TÀU HỖI QUÂN S NGOÀI THỰC MIỄN THUẾ	
Thời gian	Tên tàu
Năm 2005	
29/3 - 02/4	Tàu Hối quân Hoa Kỳ và 223 thuyền viên Thành phố Hồ Chí Minh
10 - 13/5	2 tàu Hối quân Thái Lan và 247 thuyền viên Thành phố Hồ Chí Minh
09 - 13/6	Tàu Hối quân Ấn Độ và 215 thuyền viên Thành phố Hồ Chí Minh
15 - 17/8	3 tàu Hối quân Ma-lai-xia và 435 thuyền viên Thành phố Hồ Chí Minh
05 - 07/11	Tàu Hối quân Ấn Độ đến Thành phố Hồ Chí Minh
22 - 26/11	Tàu Hối quân Pháp đến Thành phố Hồ Chí Minh
27/11 - 2/12	5 tàu Hối quân Nga đến Thành phố Hồ Chí Minh
Năm 2006	
08 - 11/6	Tàu Hối quân Ấn Độ đến Thành phố Hồ Chí Minh
01 - 06/7	2 tàu Hối quân Hoa Kỳ đến Thành phố Hồ Chí Minh
26 - 30/8	2 tàu Hối quân Niu Di-lân đến Thành phố Hồ Chí Minh
09 - 12/9	Tàu Hối quân In-đô-nê-xi-a đến Hồ Chí Minh
28/9 - 3/10	Tàu Hối quân Ô-xtrây-li-a đến Thành phố Hồ Chí Minh

TÀU H I QUÂN N C NGOÀI TH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
N m 2006	
25 - 29/9	Tàu H i quân Pháp th m H i Phòng
21 - 26/10	Tàu thu c H i quân Anh th m Thành ph H Chí Minh
N m 2007	
05 - 10/2	Tàu H i quân Pháp th m H i phòng
18 - 21/3	02 tàu H i quân Ma-lai-xi-a th m Thành ph H Chí Minh
11 - 16/4	Tàu H i quân Ô-xtrây-li-a th m à N ng
11 - 15/4	02 tàu hu n luy n H i quân Thái Lan g m 288 thành viên th m Thành ph H Chí Minh
07 - 11/5	02 tàu H i quân n và 910 thu th th m H i Phòng.
26 - 29/6	Tàu H i quân Pa-ki-xtan và 702 thu th th m Thành ph H Chí Minh
15 - 25/7	Tàu B nh vi n Pe-le-liu H i quân Hoa K th m à N ng
08 - 13/8	Tàu H i quân Xinh-ga-po và 250 thu th th m Thành ph H Chí Minh
09 - 11/9	Tàu H i quân Hàn Qu c và 610 thu th th m Thành ph H Chí Minh
17 - 20/10	Tàu Bruce Heezen H i quân Hoa K th m à N ng

TÀU H I QUÂN N C NGOÀI TH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
N m 2007	
14 - 18/11	2 tàu H i quân Hoa K th m H i Phòng
14 - 15/12	Tàu H i quân Phi-líp-pin và 130 thu th th m Thành ph H Chí Minh
N m 2008	
03 - 07/3	03 tàu H i quân Nh t B n và 900 thu th th m Thành ph H Chí Minh
17 - 21/4	Tàu H i quân n và 300 thu th th m H i Phòng
23 - 26/4	Tàu H i quân Thái Lan và 300 thu th th m Thành ph H Chí Minh
30/6 - 04/7	Tàu VAR H i quân Pháp th m Thành ph H Chí Minh
04 - 08/6	Tàu H i quân Regina c a Ca-na-da th m Thành ph H Chí Minh
19 - 29/6	Tàu B nh vi n Mercy - H i quân Hoa K th m Khánh Hoà
25 - 29/8	Tàu H i quân Ô-xtrây-li-a th m Thành ph H Chí Minh
15 - 18/9	Tàu Xinh-ga-po th m Thành ph H Chí Minh
18 - 21/10	Tàu H i quân Hoa K th m à N ng
31/10 - 5/11	Tàu H i quân Nam Phi th m Thành ph H Chí Minh

TÀU H I QUÂN N C NGOÀI TH M VI T NAM	
Th i gian	Tên oàn
N m 2008	
18 - 22/11	Tàu hu n luy n H i quân Trung qu c th m à N ng
14 - 16/12	Tàu H i quân Hàn Qu c th m Thành ph H Chí Minh
Sáu tháng u n m 2009	
9 - 12/4	02 tàu H i quân n th m H i Phòng
10 - 14/4	Tàu Xinh-ga-po th m Thành ph H Chí Minh
01 - 05/5	Tàu H i quân Bra-xin th m Thành ph H Chí Minh
19 - 24/5	Tàu H i quân Pháp th m à N ng
16 - 19/6	Tàu H i quân Thái Lan th m TP H Chí Minh
19 - 23/6	04 tàu H i quân Nga th m à N ng
23 - 25/6	Tàu Heezen Hoa K th m à N ng
TÀU H I QUÂN VI T NAM TH M CÁC N C	
Th i gian	Tên oàn
3 - 6/7/2008	02 tàu H i quân và 98 s quan, thu th th m c ng Sat-ta-hip - Thái Lan
24 - 27/6/2009	02 tàu H i quân và 104 s quan, thu th th m c ng Tr m Giang, Trung Qu c

MỤC LỤC

	Trang
L i m u B tr ng B Qu c phòng n c C ng hoà Xã h i ch ngh a Vi t Nam	7
Ph n th nh t: TÌNH HÌNH AN NINH VÀ CHÍNH SÁCH QU C PHÒNG	11
1. Tình hình an ninh	13
1.1. <i>Th gi i và khu v c</i>	13
1.2. <i>Vi t Nam</i>	16
2. Chính sách qu c phòng	18
2.1. <i>Nh ng v n c b n trong chính sách qu c phòng</i>	18
2.2. <i>i ngo i và h p tác qu c phòng</i>	23
Ph n th hai: XÂY D NG N N QU C PHÒNG	31
1. Xây d ng ti m l c qu c phòng	34
1.1. <i>Xây d ng ti m l c chính tr - tinh th n</i>	34
1.2. <i>Xây d ng ti m l c kinh t</i>	36
1.3. <i>Xây d ng ti m l c khoa h c và công ngh</i>	39
1.4. <i>Xây d ng ti m l c quân s</i>	41
2. Xây d ng l c l ng qu c phòng	43
3. Xây d ng th tr n qu c phòng	44

4.	Lãnh o, qu n lý qu c phòng	47
4.1.	Vai trò lãnh o c a ng c ng s n Vi t Nam i v i Quân i nhân dân và n n qu c phòng	47
4.2.	Qu n lý nhà n c v qu c phòng	50
4.3.	Ph ng h ng t ng c ng lãnh o, qu n lý v qu c phòng	56
	Ph n th ba: XÂY D NG QUÂN I NHÂN DÂN VÀ DÂN QUÂN T V	59
1.	T ch c quân i nhân dân và dân quân t v	61
1.1.	Quân i nhân dân	61
1.2.	Dân quân t v	82
2.	Ph ng h ng xây d ng quân i nhân dân và dân quân t v	87
2.1.	Xây d ng Quân i nhân dân	87
2.2.	Xây d ng Dân quân t v	95
	K T LU N	97
Ph l c 1.	S t ch c B Qu c phòng n c C ng hoà xã h i ch ngh a Vi t Nam	102
Ph l c 2.	Tu viên qu c phòng Vi t Nam t i n c ngoài	103
Ph l c 3.	Các h c vi n và nhà tr ng ch y u c a quân i	107
Ph l c 4.	Các vi n nghiên c u ch y u c a quân i	109
Ph l c 5.	Ngày truy n th ng m t s n v tr c thu c B Qu c phòng	110

Ph 1 c 6. Danh sách các khu kinh tế - quốc phòng	112
Ph 1 c 7. Danh sách các công ty liên quân	114
Ph 1 c 8. Danh sách các hiệp định liên quan biên giới cấp ký kết	115
Ph 1 c 9. Quân k, quân hi u, c p hi u, phù hi u và quân ph c c a Quân i nhân dân Việt Nam.	116
Ph 1 c 10. Trao i oàn quân s c p cao	131
Ph 1 c 11. Các chuy n th m h u ngh c a các oàn tàu quân s	149

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, Việt Nam
Tel: 0084.4.38253841 – Fax: 0084.4.38269578
Email: thegioi@hn.vnn.vn
Website: www.thegioipublishers.com.vn

QUỐC PHÒNG VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản
TRẦN OÀN LÂM

In 6000 bản, khổ 16 x 24 cm, tại Trung tâm Chế bản và In – Nhà
xuất bản Thế Giới. Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản
số : 1065-2009/CXB/2-263/ThG, cấp ngày 17/11/2009.
In xong và nộp lưu chiểu Quý IV năm 2009.